

SỬ TÍCH TU ĐÀ CẤP CÔ ĐỘC

(*Sudattanaathapi.n.dika*)

Anh ngữ: HELLMUTH HECKER

Dịch giả: Nguyễn Điều

Mục lục

[Đề bạt](#)

[Lời nói đầu](#)

Vài câu thơ về Tu-Đà Cấp-Cô-Độc

Một đại tín thí

[Phần 1](#)

[1] Tu-Đà Cấp-Cô-Độc gặp Phật và trở thành môn đồ

[2] Một đại Hộ pháp

[Phần 2](#)

[3] Gia quyến Tu Đà Cấp Cô Độc

[4] Tu Đà Cấp Cô Độc tiếp độ gia nhân và các thân hữu

[Phần 3](#)

[5] Những bài Pháp Phật thuyết cho Tu Đà Cấp Cô Độc

[6] Đoạn chốt cuộc đời

Ý tưởng đẹp

Đề Bạt:

Là Phật tử, tất cả chúng ta đều có chung nhận định về ông Sú Đát Tá (Sudatta), tức nam cư sĩ Cấp Cô Độc, người có công rất lớn trong sứ mạng hành trì chánh pháp và cải tiến xã hội thời đức Phật trụ thế - 623 năm trước Gia Tô kỷ nguyên. Sự nhận định này chủ yếu nhằm vào vai trò và công trình cống hiến của ông về hai phương diện Đạo và Đời!

Về mặt Đời, ông đã đóng góp tích cực và hữu hiệu công tác cải tiến xã hội qua công trình thiết lập Trung tâm huấn nghệ, Trung tâm cứu đói, Viện dưỡng lão, Viện mồ côi, nhất là năm trăm khâu phần thưởng trực tại tư gia cho những người xin ăn nghèo đói. Ông không hề biết từ chối. Nhà ông như giếng nước, như suối ngọt. Ai cần thì cứ tùy nghi sử dụng. Do đó, ông được giới bình dân xưng tụng là "Cấp Cô Độc" (Anāthapindika).

Về mặt Đạo, ông là một vị Hộ pháp thuần vĩ, là bậc Thánh Sơ quả Tu Đà Hườn (Sotāpanno), là một thiện hữu trí thức mô phạm của toàn thể Phật tử tại gia đương thời.

Đối với đức Phật, ông chẳng những tuyệt đối y giáo tín thọ, mà còn thương kính quan hoài. Ông thường im lặng lắng nghe thay vì bộc bạch kính thưa, vì trong thâm tâm ông không muốn bất cứ ai làm phiền đức Phật, kể cả bản thân ông. Đức Phật biết rõ tâm trạng ông, nên thỉnh thoảng Ngài đặc ban pháp thoại.

Trong mười tám bài pháp liên quan ông Cấp Cô Độc thì có đến mười bốn bài do đức Phật tự thuyết. Ông thương kính đức Phật chí tình thì đức Phật cũng từ ban cho ông cam lộ thủy. Thật đúng là bậc Đạo Sư luôn sống với gánh nặng viễn ly, đệ tử cũng là người biết tùy nghi tu tập.

Đối với chánh pháp, ông là một nam cư sĩ giảng sư vừa có khả năng xương minh vừa có khả năng đối thoại. Chính đức Phật đã khuyến tán ông trước Tăng chúng: "Này các Tỷ kheo! Ngay như một số Tỷ kheo đã sống trong Giáo hội lâu năm, lắm khi chưa đủ thâm uyên giáo lý để có thể trả lời với các đạo sĩ Bà la môn chính xác như Sứ Đát Ta!".

Ông tuyệt đối tôn kính chánh pháp như tôn kính đức Phật. Ông cho thiết lập nhiều giảng đường trong thành Sa Vất Thi (Savatthi) để quần chúng được nghe và học hỏi giáo lý. Ông biết, nếu chỉ giúp đỡ vật chất đương thuần, thiếu yếu tố tâm linh thì cuộc sống gia đình, xã hội cũng sẽ bế tắc. Bí quyết duy nhất giúp khai thông lộ trình đến chung cuộc hạnh phúc là chánh pháp. Vì chánh pháp là tiêu điểm chủ yếu, là chất liệu sinh tử có tính năng kết hợp giải quyết tối hậu, hai nhiệm vụ Đạo - Đời vốn nhiều khế phức tạp.

Trong quá trình phối hợp nhiệm vụ, ông đã thể hiện tiêu biểu vai trò bằng tự đem thân làm gương làm chứng. Không phải ông là hiện thân đặc trưng như vậy trong thịnh thời, mà ngay khi sa sút cũng giữ được phong độ. Công cuộc dẫn thân tình nguyện phụng dưỡng chánh pháp của ông chẳng những có tánh lịch sử địa phương Trung-Ấn, mà còn mang tánh tiêu biểu toàn cầu thời đại.

Đối với Tăng Già, ông là một đại thí chủ hộ Tăng đặc lực. Ông như nước, chúng Tăng như cá. Ông phát tâm tình nguyện cúng dường thực phẩm thường trực cho năm trăm vị Tỷ kheo hóa trai ngang nhà ông. Mỗi ngày, ông đều đến Kỳ Viên tịnh xá hai lần: trưa và chiều. Buổi trưa ông đến chùa cúng dường đức Phật và Tăng chúng các thức ăn, buổi chiều nước sinh tử. Chư Tăng, nhất là các vị Tỷ kheo trẻ và các vị tiểu Sa di xem sự hiện diện của ông là dấu hiệu của "Thần tài". Ông không bao giờ đi chùa tay không. Thông lệ mỗi chiều, sau khi thỉnh pháp, ông đi một vòng quanh chùa để kịp thời cúng dường những nhu cầu riêng lẻ cho từng vị.

Trong phạm vi gia đình, ông hướng dẫn và an trú họ vào niềm tin chánh pháp. Duy nhất, một đứa cháu trai bị biệt nghiệp nặng nề, mặc dù ông nhiều lần giúp đỡ, cảm hóa, nhưng bất thành, nên đã chết trên đường lang bạt, vô thừa nhận.

Đối với hàng ngàn gia nhân giúp việc, ông xem họ như bà con cật ruột và hết mình giúp đỡ, không hề phân biệt. Ngay như trong những ngày trai tịnh, ông cũng hướng dẫn họ và gia đình họ trì thọ trai giới.

Đối với thân hữu, đại đa số đều nhờ ông mà quí ngưỡng chánh pháp. Ngay như Thái tử Kỳ Đà cũng nhờ đạo tâm thuần phát và niềm tin chánh kiến của ông ảnh hưởng, đã sống cuộc đời hướng thiện.

Tóm lại, về mọi địa hạt sống, từ bản thân, gia đình, dòng họ, gia nhân, thân hữu đến giới bình dân lao động đều được thừa hưởng công đức lợi tha của ông qua cụ thể Tứ nhiếp pháp, nhất là Bồ thí nhiếp.

Bằng những hình ảnh tiêu biểu có tánh lịch sử, ông Cấp Cô Độc đã vẽ nên một bức tranh nhân đạo rất sinh động, tô màu "nhân bản", lồng khuôn "Hiền Thánh", được treo giữa tòa lâu đài thể hệ, mà dĩ ảnh mãi sáng rực thiên thu trong vòm trời Đông Á.

Ngày nay, nếu ai hữu duyên chiêm bái thánh tích Phật ở Trung Ấn, khi đến Kỳ Viên tịnh xá - Ngôi chùa lịch sử đầu tiên do ông Cấp Cô Độc kiến tạo cùng đường đức Phật và Thánh chúng trong Sa Vất Thi (Savatthi) thì quý vị sẽ được chiêm bái ngôi tháp thờ vị Hộ pháp này, cách xa Kỳ Viên Tự khoảng hai cây số. Tuy bị thời gian và ngoại đạo tàn phá, nhưng trái đất vẫn còn ôm ấp hình hài, bầu trời vẫn còn chở che linh khí, ánh thái dương vẫn còn sưởi ấm thức linh và những đêm rằm thượng tuần, Hằng Nga cũng rời thiềm cung, để làm đẹp một di tích ngàn năm lịch sử.

Viết về ông Cấp Cô Độc, không phải để nuôi tiếc một quá khứ vàng son của một người, cũng không phải để khoe khoang đạo mình có một đại đệ tử cư sĩ hộ pháp có tâm vóc, và cũng không phải để tự hào về những công trình vĩ đại mà ông đã để lại cho nhiều thế hệ, mà mục đích người viết - Nếu không đến nỗi vô đoán - thì nhằm nói lên một phương thức đầu tư vừa thiện mỹ, vừa lợi lạc, đó là "Đầu tư cho tình người, không đầu tư cho danh lợi" mà ông Cấp Cô Độc là đặc trưng tiêu biểu!

Chúng tôi trân trọng giới thiệu công trình dịch thuật có giá trị này đến các bạn!

-ooOoo-

Lời Nói Đầu

"Tu Đà Cấp Cô Độc" là tập sách thứ năm trong loạt phiên dịch ra Việt ngữ sử tích các Đại đệ tử Phật.

Khi đề cập đến ba chữ "Đại Đệ Tử", người ta thường nghĩ ngay tới những đại Thánh Tăng đã đắc quả cao nhất, và lỗi lạc nhất trong các hàng Thánh Văn đệ tử Phật. Nhưng ít ai để ý tìm hiểu rằng: Trong số những Đại đệ tử ấy, đã có hai vị cư sĩ, một nam một nữ, rất nổi tiếng, tên là Tu Đà Cấp Cô Độc (SudattAnāthapindika), và Nguyệt Trang Đài (Visākhā) - Tức là đức hạnh của người Đại Tín nữ này có thể ví như một tòa lâu đài, chứa đầy ánh sáng diệu hiền, chẳng khác nào ánh sáng tươi mát vô tận của một đêm trăng rằm không mây!

Hiện tại, chúng tôi chỉ xin giới thiệu quý vị sử tích của đại Thiện nam Tu Đà Cấp Cô Độc (SudattAnāthapindika). Còn câu chuyện đáng quý của đại Tín nữ Nguyệt Trang Đài (Visākhā). hay gọi tắt là "Nguyệt Trang" ra sao, nếu hữu duyên, dịch giả sẽ sưu tập, kính tặng chư đạo hữu sau! Xin xem chú thích về sự thoát dịch danh từ *VISĀKHĀ* ở cuối chương sách này (1).

Tu Đà Cấp Cô Độc là một vị đại Thiện nam đã có công xây dựng ngôi tu viện đầu tiên Tổ đình lớn nhất của Phật giáo, ở Trung Ấn Độ, thời đức Phật còn tại thế. Ông là một tấm gương cực sáng trong hạnh "*BỒ THÍ ĐỂ THANH TỊNH* và *THANH TỊNH ĐỂ BỒ THÍ*" mà đáng Giải Thoát hăng khen ngợi! Một hiền nhân như vậy quả rất xứng đáng cho hậu thế ngưỡng mộ, và ghi tên ông vào sử sách! Quả lành cao thượng nhất của cuộc đời ông, chính là mãn kiếp chót ông đã được siêu thoát!

Toàn thể Phật tử chúng ta ngày hôm nay, khi tưởng nhớ đến Thánh Tu Đà Cấp Cô Độc, nếu không phải để noi gương đại hạnh giải thoát, thì chẳng còn một mục đích nào quý báu hơn!

Dù cố gắng, nhưng bản dịch này chắc cũng còn khuyết điểm, dịch giả ngưỡng mong chư vị thông hiểu đạo Phật bỏ tặc cho. Chúng tôi xin chân thành cảm tạ!

Nguyễn chia đều phần phước phiên dịch này đến tất cả chúng sanh và những Thiện nam tín nữ hữu duyên đã trực tiếp hay gián tiếp ủng hộ dịch giả trong công tác sưu tầm tài liệu và hùn phước ấn tống!

Dịch giả cũng không quên hồi hướng một phần phước báu đến song đấng sinh thành, và các ân nhân, Thầy Tổ của dịch giả.

Nguyễn cầu cho dân tộc Việt Nam sớm thoát khỏi cảnh khô, và chúng sanh nhân loại đừng oan trái lẫn nhau!

Nguyễn Điều
(Paris mùa Vu Lan 1993)

-ooOoo-

Chú Thích trong Lời Nói Đầu

(1) Theo học giả Hellmuth Hecker thì chữ "Visàkhà" có nghĩa là "Nét đẹp tháng năm". Nhưng theo thiện ý của người dịch tập sách nhỏ này, thì từ ngữ "Visàkhà" khi dùng đặt tên người có thể trùng nghĩa với danh từ Vesàkhà, một đơn vị thời gian nằm giữa hai tháng: tháng tư và tháng năm Dương lịch. Các quốc gia theo hệ thống Phật giáo Nam-truyền như Ai Lao, Cao Miên, Thái lan, Miến Điện, Ấn Độ, Nepal, Tích Lan v.v.. Thường gọi tháng tư âm lịch là tháng Vesaka. Vầng trăng rằm của tháng Vesaka này tuyệt đẹp, vì trong khoảng thời gian ấy, bầu trời rất trong, khí hậu rất ẩm. Và lại, ba ngày lễ lớn của Phật giáo là lễ Bô Tát Đản Sinh, Bô Tát Thành Đạo và Phật Nhập Niết bàn cũng trùng vào ngày rằm tháng Vesaka (hay tháng tư âm lịch) này. Phật Giáo Nguyên Thủy Việt Nam còn gọi ngày rằm tháng tư là lễ "Tam Hợp".

Bởi các lý do trên, dịch giả xin mạn phép dịch tên Visàkhà thành "Nguyệt Trang Đài" để diễn tả đức hạnh của người nữ đại ân nhân của Tăng Già thời Phật còn tại thế.

Ngoài ra, theo sách "Pāli English" của T.W Rhys Davids và William Stede, do Pāli Text Society, Luân Đôn xuất bản thì từ ngữ "Visàkhà" là một danh từ nữ tính, gồm hai phần "Vi" và "Sàkhà".

- "Vi" là một tiếp đầu ngữ có nghĩa là "có hai", "tái mọc ra lại" "tái phân phối", "còn sinh ra nữa" v.v...

- "SÀKHÀ" là một ngữ căn nữ tính có nghĩa là "vật nhiều chi nhánh" hay "cành lá sum suê". "Sàkhà" cũng ám chỉ người đàn bà có mái tóc đẹp, hay mỹ nhân đeo nhiều nữ trang. Còn đối với động vật hay thực vật, chữ "Sàkhà" nghĩa là có khả năng thay vỏ, thay lá để làm trẻ trở lại.

(Nguyễn Điều sưu tầm)

-ooOoo-

Vài câu thơ nói về Thánh nhân

TU ĐÀ CẤP CÔ ĐỘC

*"Tâm chánh tín vững vàng không lay chuyển
Hàng Thánh nhân thanh tịnh giữa cuộc đời
Nghèo chẳng buồn, sang cũng thản nhiên thôi
Trong suy thịnh, chưa đầy duyên phúc, đức...
Cấp Cô Độc, một hiền nhân Hộ pháp!"*

-ooOoo-

TU ĐÀ CẤP CÔ ĐỘC - MỘT ĐẠI TÍN THÍ

Rất nhiều bài pháp của đức Phật được kết tập trong Tam tạng giáo lý (Tipitaka) đã mở đầu bằng kinh văn sau đây:

"Ta được nghe như vậy! Một thuở nọ, đức Thế Tôn ngự tại Kỳ Viên tịnh xá của bá hộ Cấp Cô Độc hiển dâng, trong vườn Thái tử Kỳ Đà (Jeta), gần thành Xá Vệ (Sàvatthi)..."

Lời mở đầu đó hiển nhiên đã giới thiệu cái tên Cấp Cô Độc (Anāthapindika) - giới thiệu một cách long trọng và sâu rộng trong hàng tứ chúng. Nhất là các hàng tứ chúng sau này, khi đức Phật đã nhập diệt!

(Tứ chúng là bốn hạng tín đồ Phật giáo, gồm: Thiện nam (Upāsaka), Tín nữ (Upāsikā), Tỳ Khuru (Bhikkhu), và Tỳ Khuru Ni (Bhikkhuni).

"Cấp Cô Độc" (Anāthapindika) vốn là một danh hiệu ám chỉ một "Mạnh Thường Quân" hằng phân phát thực phẩm đến dân nghèo (Piṇḍa), thường là những dân nghèo hành khất, không được ai che chở (Anātha), nên đã trở thành một "Tước vị" danh dự cho dòng họ Trưởng giả Tu Đà (Sudatta) của thành phố Xá Vệ (Sàvatthi).

- Vậy Tu Đà Cấp Cô Độc là ai?

- Ông đã gặp đức Phật trong trường hợp nào?

- Ông đã chứng nghiệm được Pháp bảo gì mà trở nên một đại hiền nhân như thế?

Để trả lời cho các câu hỏi trên đây, chúng ta thử tra cứu những điển tích ghi trong Tam tạng Pháp bảo của đức Phật để lại.

Theo học giả HELLMUTH HECKER thì cuộc đời đại thiện của ông bá hộ Tu Đà Cấp Cô Độc (SudattAnāthapindika) có thể được trình bày thành sáu tiểu đề như sau:

- I. Tu Đà Cấp Cô Độc gặp Phật và trở thành môn đồ.
- II. Tu Đà Cấp Cô Độc một đại Hộ pháp.
- III. Gia quyến Tu Đà Cấp Cô Độc.
- IV. Tu Đà Cấp Cô Độc tiếp độ gia nhân và thân hữu.
- V. Những bài pháp Phật thuyết cho Tu Đà Cấp Cô Độc.
- VI. Đoạn chốt cuộc đời.

-ooOoo-

[Đầu trang](#) | [Phần 1](#) | [Phần 2](#) | [Phần 3](#)

Chân thành cảm ơn Đại đức Giác Đồng đã gửi tặng phiên bản điện tử (Bình Anson, 04-2001)

[\[Trở về trang Thư Mục\]](#)

update: 04-04-2001

**Sự tích ngài Cấp Cô Độc, vị đại tín thí thời Đức Phật
Nguyễn Điều (1993)**

Phần 1

II] TU ĐÀ CẤP CÔ ĐỘC GẶP PHẬT VÀ TRỞ THÀNH MÔN ĐỒ

Vào mùa hạ thứ nhất, sau khi Thái tử Sĩ Đạt Ta Cồ Đàm (Siddhatta Gotama) chứng quả Phật Toàn Giác, và thu nhận đệ tử tại Vương Xá thành (Rājagaha), thủ đô xứ Ma Kiệt Đà (Magadha), thì Tăng đoàn lúc ấy chỉ gồm một ít người. Họ sau khi được nghe Phật giảng pháp Tứ Diệu Đế (Catu Āriyasaccāni), đều đắc quả A La Hán (Arahatta) giải thoát.

Chư Thánh Tăng A La Hán đầu tiên ấy đã dứt tận phiền não, nên sống một cuộc đời thanh tịnh, thoát ly gia đình, rày đây mai đó, lấy quãng trống hay rừng xanh làm nhà, lấy đồi núi hay đồng nội làm nơi hành đạo...

Khi ấy có một đại phú thương, vốn là anh rể của Tu Đà Cấp Cô Độc, đã quy y đức Phật, và chứng kiến đời sống giải thoát, cao thượng của chư vị Thánh Tăng, bèn đề nghị họ yêu cầu đức Phật cho phép ông xây cúng những tịnh xá cố định.

Khi đức Phật chuẩn lời, ông phú thương liền xây cất hơn sáu chục tịnh cốc, để dâng đến đức Phật và chư Thánh Tăng. Được hỏi tại sao ông tạo số tịnh cốc quá nhiều, so với số Thánh Tăng có thể cư ngụ thì ông phú thương vui vẻ trả lời rằng:

- Tôi làm như vậy vì muốn được nhiều phước báu!

Và với những tịnh cốc nguyên khởi ấy, một tu viện Phật giáo đầu tiên đã được thành hình, để khai sáng giai đoạn truyền bá chánh pháp, đón tiếp những ai hữu duyên, muốn xuất gia tu học, và rèn luyện phẩm hạnh giải thoát. (Theo Cullavagga VI. 1: Tiểu phẩm số VI. 1).

Một hôm Tu Đà Cấp Cô Độc, người phú thương bá hộ Mạnh Thường Quân của thành Xá Vệ (Sāvatthi), trên chuyến thương hành xuyên qua nước lân cận Ma Kiệt Đà (Magadha), đến thủ đô Vương Xá thành (Rājagaha). Như thường lệ, ông trước tiên ghé thăm người anh rể vừa cũng là một bạn thân của mình.

Khi Tu Đà Cấp Cô Độc đi vào nhà người anh rể, thì ông lấy làm ngạc nhiên, vì không ai chú ý đến ông cả. Thói quen mỗi lần ông đến là người anh rể cùng toàn thể gia nhân đã vui mừng ra đón tiếp ông một cách thân mật tận ngoài cửa. Nhưng hôm nay khác hẳn, tất cả đều tỏ ra quá bận rộn đến nỗi hời hợt trước sự có mặt của ông, dường như họ đang để hết tâm ý sửa soạn nghinh đón một nhân vật vô cùng quan trọng!

Tu Đà Cấp Cô Độc liền hỏi người anh rể:

- Phải chăng trong nhà đang có đám cưới, hoặc gia đình đang chuẩn bị một cuộc đại tiệc lễ, hay tin quốc vương ngoạn cảnh sắp viếng thăm?

Thì câu trả lời vồn vện chỉ có:

- Ngày mai đức Phật và chư Thánh Tăng đến thọ trai và ban phước lành.

Tu Đà Cấp Cô Độc chợt chú ý hỏi tiếp:

- Hiền huynh nói có một vị Phật sẽ đến?

- Đúng vậy thưa thân đệ! Ngày mai, đức Phật, đấng Toàn Giác sẽ đến.

Tu Đà Cấp Cô Độc lộ hẳn sự kích thích. Ông nhắc lại câu hỏi ấy đến lần thứ hai, rồi lần thứ ba:

- Hiền huynh xác nhận là có một vị Phật sống trong vùng và ngày mai Ngài sẽ đến đây?

- Vâng! Thưa thân đệ! Đấng Toàn Giác ấy sẽ đến ban phước lành trong ngôi nhà này! Hiện giờ Ngài đang an trú tại vườn Sitavana, cạnh Trúc Lâm tịnh xá, phía Tây Vương Xá thành.

Trước câu trả lời đầy đức tin đó, Tu Đà Cấp Cô Độc vừa kinh cảm vừa ngạc nhiên. Ông rung mình hít một hơi dài rồi thở ra từ từ, đồng thời lẩm bầm:

"Đức Phật là một danh từ mình đã hiếm được nghe trên đời rồi. Bây giờ lại có thể nhìn thấy một vị Phật bằng xương bằng thịt".

Người anh rể của Tu Đà Cấp Cô Độc nghe thế liền xen vào:

- Bữa nay vì trời tối, nên thân đệ không thể gặp đức Phật được, nhưng ngày mai chuyện ấy sẽ chắc chắn.

Đêm đó, Tu Đà Cấp Cô Độc ở lại tại nhà người anh rể, nhưng sự kinh cảm và lòng nôn nóng muốn gặp Phật đã làm cho ông không sao ngủ ngon được. Ông đã thức giấc đến ba lần, nghĩ rằng: "Chắc trời sáng rồi" và nhìn ra ngoài thấy màn đêm vẫn dày đặc. Lần thức giấc sau cùng nghe tiếng gà gáy đầu, nhằm lúc trời gần rạng đông, nên ông mạnh dạn rời nhà người anh rể, định ra khỏi Vương Xá thành, rồi hướng về Trúc Lâm tịnh xá.

Tuy nhiên, trong bóng đêm tàn tích mịch, sự sợ sệt và lòng nghi ngại lại phát sinh trong ông. Vì Tu Đà Cấp Cô Độc là một đại phú thương nổi tiếng, của cải rất nhiều, nếu ông phiêu lưu như thế, nhờ gặp phải phường bất lương sẽ vô cùng nguy hiểm! Do đó, bản năng tự vệ lại khiến ông chùn chân quay lại.

Chợt Tu Đà Cấp Cô Độc bình tĩnh, ông nghe tận trong tâm tư dường như có một âm thanh kỳ diệu thúc giục: "Hãy tiến bước! Đến gặp một vị Phật Tổ không bao giờ nguy hiểm!". Thế là ông dũng mãnh tiến tới.

Đi một lúc khá lâu, ông đến bìa cụm rừng Sitavana, gần Trúc Lâm tịnh xá. Và trong màn sương rạng đông dùng dục mờ mờ, Tu Đà Cấp Cô Độc chợt thấy một bóng người thấp thoáng, trầm mặc bước đi.

Tu Đà Cấp Cô Độc liền dừng chân quan sát, thì bóng người thanh tịnh ấy lại quay về phía ông, và một giọng nói thanh tao, hiền hòa, khó diễn tả, phát ra:

- Hãy đến đây! Đây thiện bá hộ của dòng họ Tu Đà!

Tu Đà Cấp Cô Độc giật mình đánh thót, kinh ngạc vô cùng khi nghe mấy lời "đón tiếp" nghiêm trang ấy. Vì trong vùng Vương Xá thành, ngoại trừ gia đình người anh rể, không một ai biết được tên họ của ông. Người ta chỉ biết ông qua cái danh hiệu Mạnh Thường Quân "Cấp Cô Độc", nhưng cũng ít người biết được mặt thật của ông, bởi trong việc cứu giúp hàng ngàn, hàng vạn dân nghèo, gia nhân ông đã thay thế ông làm hầu hết. Càng ngạc nhiên hơn nữa, là ông chưa bao giờ làm quen với "bóng người" đứng trước mặt kia. Nhất là ông đã đến bất thành linh không báo trước!

Một phút ngạc nhiên và yên lặng trôi qua... Lời "đón tiếp" của "bóng người" dường như có một linh lực khiến cho hai chân ông tự động bước tới. Khi đến gần thì ông nhận ra một đạo nhân phi phàm thoát tục. Tu Đà Cấp Cô Độc tự nhiên không nghĩ ngờ gì nữa. Ông tin chắc đây là đức Phật, liền sụp lạy và vì cảm động, nói đứt quãng, không thông lời, rằng:

- Lạy Phật! Ngài có được bình an không?

- Như Lai luôn luôn bình an! Chúc lành ông vừa đến thăm.

Nghe câu trả lời thanh tịnh và từ ái ấy Tu Đà Cấp Cô Độc cảm thấy vô cùng thỏa thích, và đến gần Phật hơn nữa để nghe những lời cao thượng tiếp theo:

- Nay Tu Đà Cấp Cô Độc! Một bậc đã chứng quả Toàn Giác, Giải Thoát thì không còn đau khổ, dù cho ấy là những đau khổ vi tế.

Đoạn đức Phật dẫn Tu Đà Cấp Cô Độc nối theo bước chân kinh hành buổi sáng của Ngài. Vừa đi Ngài vừa giảng giải những Pháp bảo căn bản nhiệm mầu, nhất là các pháp có liên quan đến sự bỏ thí, trì giới, sinh diệt, vô thường, biến hoại, xuất gia, rồi bảo rằng ấy là "Nghệ thuật thiện và ý thức tiến hóa" có thể đưa con người tới các cõi cao hơn, được giải thoát khỏi những khổ đau phiền não do say đắm trong các nhục dục ở đời.

Khi đức Toàn Giác nhận thấy Tu Đà Cấp Cô Độc thiện căn đã bộc lộ, tâm tánh đã khai mở, kiên chấp đã vỡ tan, ý thức đã an tịnh, sẵn sàng để hấp thụ chánh pháp, Ngài liền giảng giải cho ông bốn chân lý vô song của Phật giáo là Tứ Diệu Đế (Catu Ariyasaccāni) gồm:

1- Khổ Đế: Khổ đau là một thật tế.

2- Tập Đế: Ái dục, nguyên nhân của khổ đau là một thật tế.

3- Diệt Đế: Niết bàn, trạng thái dập tắt mọi ái dục, hết khổ đau là một thật tế.

4- Đạo Đế: Bát Chánh Đạo, con đường có tám chi dẫn đến chỗ dập tắt mọi ái dục là một thật pháp.

Thấu đáo được bốn chân lý vô song đó, Tuệ nhãn (hay Pháp nhãn: Dhammacakkhu) nhìn thấy mọi sự vật liên phát sinh trong tâm Tu Đà Cấp Cô Độc, khiến cho ông mặc nhiên nhất niệm rằng: "Cái gì hề có sinh thì phải có diệt". Tu Đà Cấp Cô Độc bây giờ là một người hiểu đúng sự thật, dẹp bỏ được hoài nghi, tự tin chắc chắn vào đạo giải thoát, không còn trông đợi vào một tha ân nào khác. Và khi Phật giảng giải chánh pháp xong, ông đã đắc quả đầu Nhập Lưu Tu Đà Hườn (Sotāpatti), một phẩm Thánh chỉ có tiến lên đích giải thoát chứ không bao giờ còn sa đọa vào ác đạo nữa.

Sau đó Tu Đà Cấp Cô Độc thành tâm thỉnh mời đức Thế Tôn đến dự trai Tăng tại nhà người anh rể ngày mai và được đức Thế Tôn nhận lời. Sau buổi trai Tăng, Tu Đà Cấp

Cô Độc liền xin phép đấng Toàn Giác chấp thuận cho ông xây cất một ngôi chùa dâng đến chư Tăng để cư ngụ trong thành phố Xá Vệ của mình.

Đức Phật thay vì chấp thuận một cách xác định, Ngài lại bỏ tức sự đồng ý của Ngài bằng cách lưu ý người yêu cầu rằng:

- Này Tu Đà Cấp Cô Độc! Các bậc Giác Ngộ chỉ thích những nơi thanh tịnh.

- Bạch đức Thế Tôn! Con đã hiểu! Con rất hiểu tôn ý của đức Phật! Con sẽ chọn một nơi gần thành Xá Vệ nhưng không ồn ào.

Vừa nói Tu Đà Cấp Cô Độc tỏ vẻ vô cùng hoan hỷ, vì ông biết rằng đức Thế Tôn đã gián tiếp chấp thuận lời yêu cầu của ông (Theo Samyutta Nikāya 10, 8: Táp A Hàm 10, 8 và CV VI. 4: Tiểu phẩm VI. 4).

Trên đường trở về thành Xá Vệ (Sāvatthi) đi đến đâu Tu Đà Cấp Cô Độc cũng loan tin cho dân chúng biết ý định lập chùa của ông, và ông còn khuyến khích họ chuẩn bị thật chu đáo, để nghinh đón đức Phật một cách long trọng suốt quãng đường dài từ Vương Xá thành (Rājagaha) đến thủ đô Ca Tỳ La Vệ (Kapilavasthu).

Khi về đến đất nhà, ông lập tức đi tìm địa điểm để xây chùa. Nhất là chỗ nào không xa mà cũng không gần thành phố lắm. Địa thế phải đúng tiêu chuẩn ban ngày dẫu người đến đông cũng không trở thành hỗn độn và ban đêm tuyệt đối không có tiếng động. Ngôi chùa trong tương lai ấy cũng phải là nơi Phật tử bốn phương có thể lui tới dễ dàng, đồng thời nó phải thích hợp cho những Cao Tăng quen sống trong cảnh ẩn dật, thanh tịnh.

Sau cùng, Tu Đà Cấp Cô Độc đã tìm ra trong dải đồi bao quanh thành phố Xá Vệ một quãng đất rừng thưa rất thích hợp cho mục đích lập chùa. Khoảng đất rừng này hiện thuộc về Thái tử Kỳ Đà (Jeta), con vua Ba Tư Nặc (Pasenadi).

Tu Đà Cấp Cô Độc lập tức đến gặp vị Hoàng tử ấy, đề yêu cầu Hoàng tử nhường lại khoảng đất tốt kia. Nhưng Hoàng tử Kỳ Đà trả lời rằng:

- Dải đất bằng rừng thưa này, bản Vương tử không có ý định bán cho ai cả.

Rồi Hoàng tử thấy nét mặt Tu Đà Cấp Cô Độc có vẻ khấn khoản, liền nói tiếp, nửa đùa nửa thật, nêu một cái giá cao gấp trăm lần thực tế:

- Cho dù có ai chịu trả đến mười tám triệu đồng tiền vàng, bản Vương tử cũng chưa chắc đã thuận.

Tu Đà Cấp Cô Độc nghe thế liền chụp lấy cơ hội:

- Nếu Hoàng tử chịu nhượng đất cho hạ thần thì giá nào hạ thần cũng mua cả có thể trả bằng vàng lập tức, không hề trễ nải.

Hoàng tử Kỳ Đà tưởng mình nói dọa bằng một giá cực đắt như thế để Tu Đà Cấp Cô Độc tự ý rút lui, nào ngờ ông tuyên bố chấp thuận mua vô điều kiện, khiến Hoàng tử đâm ra lúng túng.

Sự lúng túng đó đã làm cho Hoàng tử Kỳ Đà không biết giải quyết ra sao. Một mặt Hoàng tử không muốn bán đất, mặt khác Hoàng tử cũng không muốn mất thể diện đã nêu giá cao mà lại nuốt lời.

Sau cùng cả Hoàng tử Kỳ Đà lẫn bá hộ Cấp Cô Độc phải đến nhờ một người làm trọng tài. Người trọng tài này, tuy sợ oai quyền của Hoàng tử Kỳ Đà, nhưng trong tâm vốn kính nể Tu Đà Cấp Cô Độc không kém, nên nghĩ ra một cách, đề nghị rằng:

- Đất của Hoàng tử là đất rất quý. Ai muốn mua đất ấy thì phải đem tiền vàng lót kín diện tích khoảng đất mà mình muốn mua để định giá trả cho Hoàng tử.

Do đó một giao kèo bán đất đã được thiết lập và cuộc thương thuyết kết thúc.

Sau đó, Tu Đà Cấp Cô Độc ra lệnh cho gia nhân dùng mấy chục cỗ xe chở đầy tiền vàng đến lót kín khoảng đất mà ông đã chọn. Tuy nhiên tổng số vàng của mấy chục cỗ xe chỉ đủ cho diện tích đất chùa mà thôi, còn các lối vào chưa lót, nên ông phải phải tùy từng trở về, mở kho lấy vàng thêm.

Trong khi Tu Đà Cấp Cô Độc chưa kịp làm vậy, thì Thái tử Kỳ Đà, vì cảm kích hạnh bố thí của bá hộ Cấp Cô Độc nên phát tâm hiến dâng phần đất làm lối đi xung quanh chùa, nơi ấy Hoàng tử sẽ ra lệnh xây cất những ngõ môn, ngoại viên và vòng thành rất trang nghiêm hùng vĩ. Vòng thành và các ngõ môn đó sẽ bảo vệ ngôi chùa, ngăn cản tiếng động từ các trục giao thông có xe cộ di chuyển, đồng thời cũng ấn định ranh giới giữa thánh địa tôn nghiêm và làng xóm bên ngoài. Còn ngoại viên là một lối rộng làm vòng đại xung quanh chùa, cũng được Hoàng tử cho trồng nhiều thứ hoa trang trí, đủ màu sắc, và lót gạch men rất đẹp! Thế là việc Tu Đà Cấp Cô Độc dùng vàng mua đất xây chùa đã kết thúc mỹ mãn.

Tiếp theo, người đại Thiện nam phi thường ấy còn dùng đến mười tám triệu đồng tiền vàng để xây cất chính điện, tịnh thất và tất cả các cơ sở cần thiết khác trong chùa. Chẳng hạn như Tăng phòng, giảng đường, phạn đường, hương đăng khố, hành lang, lối kính hành, giếng nước, nhà vệ sinh, ao sen, chỗ tắm v.v...! Vì vậy chẳng bao lâu sau, khoảng đất rừng thưa đã trở thành một đại tu viện nguy nga đồ sộ, nổi bật như một trung ương tôn nghiêm, linh địa số một của Phật giáo, thời đức Toàn Giác còn tại thế (Theo CV. VI. 4: Tiểu phẩm số VI. 4).

Khi mọi kiến trúc hoàn tất, Tu Đà Cấp Cô Độc vội đích thân đi cung thỉnh đức Phật và chư Thánh Tăng đến chứng minh lễ khánh thành. Cuộc khánh thành đã được tổ chức với cùng trọng thể dưới hình thức nhiều ngày trai Tăng, làm phước, cúng dường thực phẩm và tử vật dụng đến Thánh nhân.

Phản cúng dường thực phẩm ngày đầu vừa kết thúc thì Tu Đà Cấp Cô Độc yêu cầu đức Phật chỉ dạy cách nào đúng chánh pháp nhất, để ông dâng ngôi chùa vừa kiến tạo đến đấng trọn lành, đức Phật liền bảo:

- Này Tu Đà Cấp Cô Độc! Ông hãy hiến dâng ngôi đại tự này cho tứ phương Tăng chúng ca ba đời quá khứ, hiện tại và vị lai.

Thế là Tu Đà Cấp Cô Độc đã thành khẩn làm theo lời Phật dạy. Và ngôi chùa cũng kể từ đó, được đặt tên là Kỳ Viên Tự (Tức là một tu viện được xây lên ở trung tâm công viên của Thái tử Kỳ Đà).

Nhân để khen ngợi thiện tâm có một không hai của hiền nhân Cấp Cô Độc, đức Phật còn ban kệ ngôn rằng:

*"Tạo nơi che chở nhiệt, hàn, thú dữ,
Ngăn khỏi phi trùng, rắn, rít, gió mưa.
Tránh loạn cuồng phong, nóng bức hạn mùa,
Để Thánh chúng được yên lành tu tập."*

*Đây bảo tự, duyên Tu Đà nguyện lập,
Thiện hạnh nào hơn nghĩa cử đang làm!
Tịnh xá xây là trú sở cho tâm,
Hiển dương vật dụng càng đầy ân đức.*

*Hành pháp Phật, ấy phước điền chân thật,
Gieo giống lành, quả giải thoát về sau.
Hoa nở là khi tâm hết ra vào,
Trong tam giới đầy khổ đau sinh diệt".*

(N. Đ. Thoát dịch thành văn vần)

Sau lễ dâng chùa, cuộc làm phước còn kéo dài nhiều ngày, lời cuốn toàn thể dân chúng quanh vùng tất cả giai cấp đều có mặt: Từ thượng tầng xã hội đến cùng đinh hạ tiện. Mỗi người đến lễ bái đều được Tu Đà Cấp Cô Độc tặng cho một món quà làm kỷ niệm, khiến chi phí cuộc lễ một lần nữa lên đến mười tám triệu đồng tiền vàng.

Như vậy tổng kết cuộc bố thí của Tu Đà Cấp Cô Độc trong ba đợt: mua đất, xây chùa và làm lễ đã trở thành một con số khổng lồ là năm mươi bốn triệu đồng tiền vàng. Ông quả thật là một tín thí vô địch của Phật giáo vậy! (Theo Anguttara Nikaya I. 19: Tăng Chi A Hàm số I. 19).

[III] TU ĐÀ CẤP CÔ ĐỘC - MỘT ĐẠI HỘ PHÁP

Tu Đà Cấp Cô Độc tinh nguyện tiếp tục nhận lãnh trách nhiệm nuôi nấng Tăng Già và bảo trì ngôi chùa Kỳ Viên cho đến trọn đời. Ông cung cấp hằng ngày tứ sự cúng dường đến chư Tăng. Mỗi buổi sáng, ông dâng cơm nước. Còn buổi chiều thì ông hộ độ thuốc men, nhang khói các lễ đài, và đôn đốc gia nhân rửa sạch bát đĩa, giặt giũ y phục, mền chiếu, cũng như quét dọn, lau chùi toàn diện ngôi chùa một cách thận trọng. Nói tóm lại là những công tác gì chư Tăng không thể làm được thì ông cất đặt nhân viên thực hiện chu toàn. Nhất là việc chăm sóc vườn hoa và những cây cối rợp bóng mát, cùng ao sen, giếng nước và hồ tắm, để cho khuôn viên xung quanh ngôi chùa được luôn luôn tươi nhuận, hợp vệ sinh.

Về sau này, khi số Tăng chúng tụ tập tại chùa và những thiền viện phụ cận, lên đến hàng ngàn vị, thì hằng ngày, ngoài việc hộ trì toàn thể chùa Kỳ Viên, Tu Đà Cấp Cô Độc còn thỉnh thêm bảy trăm đại Tỷ khưu về nhà trai Tăng nữa. Nhà ông là một tòa lâu đài cao bảy tầng, mỗi tầng chứa một trăm Sa môn, nên đến giờ ngọ thực, lâu đài ấy trông giống như một cõi Phạm hạnh, vì từ trên xuống dưới thấp thoáng đầy bóng y vàng và lời ăn tiếng nói thấm nhuần thiện pháp.

Khi tiếng khen về tấm lòng hộ pháp, rộng rãi phi thường của Tu Đà Cấp Cô Độc lan rộng khắp nơi, thấu tai quốc vương Ba Tư Nặc (Pasenadi). Nhà vua muốn ganh đua danh tiếng với ông, đã bảo cận thân mời năm trăm vị Tỷ khưu vào cung cúng dường mỗi ngày. Một hôm nhà vua có ý định gặp chư Sa môn để xem phản ứng của họ về sự hộ độ rộng rãi của mình ra sao thì được vệ quan cho biết rằng:

- Các thức ăn thức uống của triều đình dành cho chư Tăng, tuy đã dọn sẵn và mời họ tự tiện dùng nhưng các Sa môn lại đem trao cho những Phật tử nhiệt thành khác, rồi bảo họ dâng cúng trở lại, cho hợp lẽ đạo.

Nhà vua cảm thấy khó chịu, thắc mắc rằng:

- Thực phẩm của hoàng gia là những thức ăn thượng hạng, không phải tầm thường, thế mà chư Sa môn đã chằng tranh nhau thọ dụng, để khen ngợi mà còn có những cử chỉ kỳ lạ?

Sau đó, quốc vương Ba Tư Nặc đến gặp Phật để hỏi duyên cớ thì được Phật trả lời:

- Nay bệ hạ! Sự cúng dường đến chư Tăng mời vô hoàng cung của bệ hạ chỉ có hình thức vật chất, nhưng không có giá trị tinh thần. Các quan quân được bệ hạ giao làm việc ấy chỉ biết hành động vì tuân lệnh. Họ tuân lệnh bố thí đến các hàng Sa môn như tuân lệnh dọn quét, rửa ráy một chỗ dơ bẩn, hay tuân lệnh lòng bắt một tên trộm nộp trước triều đình, chứ trong thâm tâm họ không có tối thiểu hiểu biết gì về thiện nghiệp của mình cả. Cũng như họ không có một niềm kính ngưỡng xứng đáng nào đến chư Tỳ khuru Tăng. Trong đầu họ còn nghĩ rằng: "Những Sa môn cao tuổi này chắc không biết làm gì để sống nên phải ăn bám nhờ dân chúng!"

- Nay bệ hạ! Khi hiến tặng một vật mà người làm tỏ ra thái độ ăy thì người nhận không dám thọ dụng một cách yên tâm, cho dù vật hiến tặng có đắt giá đến đâu đi nữa! Ngược lại, khi những thí chủ gương mẫu như Tu Đà Cấp Cô Độc hay Nguyệt Trang tín nữ dâng cúng bất cứ vật gì, họ cũng hành động với tất cả lòng thành. Chư Tỳ khuru Tăng lúc nhận, cũng thọ dụng một cách thanh tịnh và quán tưởng rằng: "Bậc xuất gia hằng ngày được thiện nam tín nữ hộ độ thì phải chăm lo tu hành để hồi hướng phúc đức cho toàn thể nhân loại chúng sanh". Rồi họ từ bi đón nhận vật thí.

- Một bữa cơm đạm bạc, hiến dâng bởi một tấm lòng thành vẫn quý hơn cao lương mỹ vị mà đem cho với sự lạnh lùng hay bằng một thái độ khinh bỉ.

- Nay bệ hạ! Chắc bệ hạ còn nhớ câu ngạn ngữ: "Cơm chua mà thành tâm chia sẻ cho nhau thì cũng trở thành ngon ngọt!?" (Theo Jātaka 465: Túc Sinh truyện số 465).

Rồi để nhà vua dễ nhớ, đức Phật còn ngâm câu kệ rằng:

*"Năm cơm tuy có tầm thường,
Nhưng tâm thành kính khi nhường cho nhau.*

*Thì cơm ngon biết dường nào,
Ăn cơm ngon ấy tâm vào an vui".*

(N. Đ. Phong dịch thành văn vần theo Jātaka 346: Túc Sinh truyện số 346)

Tu Đà Cấp Cô Độc và Nguyệt Trang tín nữ không phải chỉ là hai thí chủ lớn nhất của Tăng Già tại thành Xá Vệ, mà họ còn là hai cư sĩ hộ pháp đặc biệt được đức Thế Tôn ban cho điểm phúc thay mặt Phật để tổ chức hàng ngũ Phật tử lúc bấy giờ. (Theo các Jātaka 337, 346, 465: Túc Sinh truyện số 337, 346, 465).

Tuy nhiên Tu Đà Cấp Cô Độc dù có tiền rừng, bạc biển đến đâu, ông cũng không tránh khỏi cái luật thịnh suy, vô thường và bất trắc. Trong một trận đại bão lụt nọ, ông đã bị nước cuốn trôi đi toàn thể tiền dự trữ gồm mười tám triệu đồng tiền vàng. Rồi những người vay tiền ông tổng cộng đến mười tám triệu đồng tiền vàng khác, cũng quýt luôn không trả!

Gia tài khổng lồ chín chục triệu đồng tiền vàng của ông vốn đã xuất ra ba phần năm để mua đất, cất chùa và làm lễ hết năm mươi bốn triệu đồng tiền vàng rồi (18x3=54). Bây giờ ông gặp nạn bị thiên tai và những kẻ thiếu nợ cướp mất ba mươi sáu triệu đồng tiền vàng còn lại nữa, thành thử bỗng chốc ông trở thành tay không. Tu Đà Cấp Cô Độc mới ngày nào là một đại triệu phú thì hiện tại là một người nghèo.

Nhưng điều đáng quý là đối diện với nghịch cảnh, ông vẫn tiếp tục làm bổn phận của một người hộ pháp, nuôi dưỡng Tăng Già. Khác chăng là ngày trước ông đủ điều kiện để dâng cúng những bữa ăn đầy đủ, thì ngày nay ông có món gì, thành kính đem dâng chư Sa môn món ấy, để cùng nhau thanh tịnh tu tập, sống qua ngày.

Nhắc lại lúc đó có một vị Thọ thần ngụ trong đỉnh tháp trên tầng lầu thứ bảy tòa nhà Tu Đà Cấp Cô Độc. Cứ mỗi lần đức Phật và chư Thánh Tăng đến, y vì kinh sợ oai đức của Thánh nhân, không dám ở yên trong trú sở trên cao của mình phải bước xuống đất. Điều này làm cho y bức bối. Do đó, đã từ lâu, vị Thọ thần hằng tìm cách để làm cho Tu Đà Cấp Cô Độc không mời Phật và chư Thánh Tăng tới nhà nữa, nhưng y vốn chưa tìm ra dịp tốt.

Nhân cơ hội Tu Đà Cấp Cô Độc trở thành nghèo, Thọ thần liền hiện đến trước mặt viên quản gia của Tu Đà Cấp Cô Độc nói rằng:

- Này bạn! Nhà bá hộ bây giờ đã nghèo rồi, bạn nên khuyên ông chủ đừng cúng dường các Sa môn nữa.

Nhưng người quản gia lại làm ngơ, không nghe theo lời xúi giục ấy. Thọ thần bực tức quay sang dụ dỗ cậu con trai của viên quản gia với mục đích tương tự là chống lại đức Phật và chư Tăng. Rồi y cũng thất bại luôn.

Sau cùng Thọ thần vận dụng hết phép lực của mình, hiện nguyên hình có hào quang bao phủ, trước mặt chủ nhà Tu Đà Cấp Cô Độc để khuyên ông không nên tiếp tục bố thí nữa. Thọ thần viện dẫn rằng: "Vàng bạc là của quý trên đời, không có nó đời sống sẽ vô cùng cơ cực. Vậy nếu còn chút ít, ông không nên đánh mất v.v...".

Nhưng Tu Đà Cấp Cô Độc liền điềm tĩnh trả lời:

- Này Thọ thần! Đối với tôi, trên đời chỉ có ba thứ quý nhất: Đó là Phật, đấng thân, khẩu, ý trọn lành, hoàn toàn giải thoát. Pháp những lời dạy chân chánh cứu khổ của Ngài, và Tăng, những Sa môn sống đúng phạm hạnh, diệt tận tham, sân, si phiền não, làm phước điền cho chúng sanh nhân loại.

- Này Thọ thần! Tu Đà Cấp Cô Độc này từ ngày giác ngộ được chân lý, chỉ biết tìm kiếm và bảo vệ ba thứ ấy, ngoài ra không ưa thích bất cứ vật gì khác! Bây giờ yêu cầu Thọ thần hãy đi chỗ khác, vì trong nhà này không có chỗ để cho một Thọ thần chống lại Phật, Pháp, Tăng.

Thế là vị Thọ thần, theo luật của cõi Địa tiên dục giới phải rời chỗ ở nhà Tu Đà, mong mỏi đến gặp vị Địa tiên đang là thần hoàng của thành Xá Vệ (Savatthi) để yêu cầu xin lên bậc trên cho mình có một trú sở mới. Nhưng khi ước muốn của Thọ thần được trình với Tứ Đại Thiên Vương, thì bốn vị vua trời này cũng không đủ khả năng thăm xét một vị Thọ thần chống lại Tam bảo, nên cuối cùng số phận của Thọ thần phải đặt vào trong tay của vua trời Đế Thích (Sakka).

Sống trong cảnh không có trú sở nhất định, rày đây mai đó vị Thọ thần bắt đầu xét lại việc mình đã làm, và ý thức được ấy là nghiệp xấu nên âm thầm hối hận. Vua trời Đế Thích biết được chuyện ấy bèn để cho Thọ thần lang thang một thời gian, chừng nào can đảm quay về sám hối thì ông mới giải quyết.

Khi Thọ thần đến trước Đế Thích cầu sám hối và xin một thiện nghiệp gì làm, để chuộc tội thì Đế Thích phán rằng:

- Nay Thọ thần! Người ở trong nhà Tu Đà Cấp Cô Độc biết trước mọi tai nạn suy sụp của chủ nhà mà không báo trước để gia chủ tránh là một lỗi lầm quan trọng! Bây giờ muốn chuộc tội, người phải làm cách nào để hoàn lại gia sản cho Tu Đà Cấp Cô Độc.

Cách chuộc tội đã được đưa ra, vị Thọ thần vô cùng mừng rỡ nhận thì hành lập tức những phán quyết của Đế Thích để phục thiện. Trước tiên, Thọ thần dùng thần thông gom lại tất cả số đồng tiền vàng của Tu Đà Cấp Cô Độc đã bị nước cuốn trôi ra biển. Kế tiếp, Thọ thần tìm kiếm những kho tàng chôn giấu vô chủ nằm trong lòng đất hay dưới nước, hoặc những kho tàng đã có chủ, nhưng cả dòng họ con cháu hiện chết hết không còn ai thừa hưởng. Tìm xong Thọ thần đem tặng tất cả cho Tu Đà Cấp Cô Độc! Sau cùng, Thọ thần quay sang đòi nợ cho ông bá hộ bằng cách hiện vào trong giấc mơ của những người thiếu nợ, dùng thần lực biểu diễn, bảo phải trả nợ cho ông Tu Đà Cấp Cô Độc v.v...

Nhờ vậy, chẳng bao lâu sau, Tu Đà Cấp Cô Độc bỗng tự nhiên giàu có như cũ. Ngoài việc thu hồi số của cải xưa, ông còn được hoạch tài thêm năm mươi bốn triệu đồng tiền vàng nữa. Số của này tương đương với tổng cộng chi phí ba lần mua đất, cất chùa và làm lễ, chứng tỏ rằng sự cứng đường Tam bảo của Tu Đà Cấp Cô Độc đã không làm giàu tài ông giảm xuống!

Sau đó, Thọ thần hiện ra trước mặt đức Phật để sám hối, xin Ngài tha thứ cho những nghiệp ác mà y đã tối tăm phạm phải. Đức Thế Tôn với lòng từ bi vô lượng đã giải tội cho Thọ thần. Ngài còn ban pháp lành cho Thọ thần giác ngộ, rồi y xin qui y trở thành đệ tử Phật nữa.

Đức Phật giảng thêm cho Thọ thần hiểu rằng:

- Một bậc đại hạnh khi đã dùng pháp bố thí để trở thành hoàn toàn giải thoát, thì không có sức mạnh nào trên thế gian này có thể ngăn cản họ được, dù cho sức mạnh ngăn cản đó phát xuất từ vua chúa, phát xuất từ hiền thần hay hung thần, phát xuất từ ác tiên hay thiện tiên, và ngay cả phát xuất từ thần chết. (Theo Jataka 140 và 340: Túc Sinh truyện số 140 và 340).

Sau khi Tu Đà Cấp Cô Độc đã tái trở thành triệu phú, còn giàu có hơn trước, một người Bà la môn trong vùng vì ganh ghét, muốn tước đoạt cái "phép lạ" (hay bí quyết) đã cứu giúp và phục hồi gia tài Tu Đà Cấp Cô Độc nhanh chóng như thế. Y bèn nghĩ ngay đến thần tài Siri. (Theo văn minh Bà la môn giáo thì thần tài Siri xuất hiện dưới hình thức "điềm lành" trong nhà người nào thì người đó sẽ trở nên giàu có).

Vậy việc phải làm của người Bà la môn ác tâm kia, là tìm cách chiếm đoạt cái "thần tài" hay điềm lành ấy đem về nhà y, thì tự nhiên y sẽ trở nên giàu có. Điều này cũng phản ánh niềm tin của tín đồ Bà la môn giáo rằng: Ai giàu có trên đời là nhờ tìm được "tín hiệu", tức thần tài hay phú lệnh (còn gọi là điềm lành) do Thượng đế ban xuống trần gian. Chứ không phải sự giàu có hiện tại là do gặt hái quả lành từ thiện nghiệp của mình đã tạo trong kiếp trước như đức Phật đã dạy! Nói một cách khác "thần tài" là một loại "âm binh" của Thượng đế rải xuống trần gian. Ai tìm cách chiếm đoạt hay dụ dỗ, cầm giữ được những hình tướng của các "âm binh" này trong nhà mình, thì mình sẽ trở nên giàu có.

Nghĩ đoạn, người Bà la môn tìm đến nhà Tu Đà Cấp Cô Độc. Y xin phép được vào tận bên trong để quan sát tìm kiếm tín hiệu của thần tài. Nhờ biết nham độn và có khả năng bói toán nên y liền thấy thần tài "nằm" trong con gà trống lông trắng được bá hộ Tu Đà Cấp Cô Độc rất cưng, nhốt trong một lồng bằng vàng.

Người Bà La môn lập tức hỏi xin con gà cồ lông trắng, y viện lý do rằng y sẽ dùng tiếng gà gáy buổi sáng của nó để đánh thức đám học trò dậy. Với hạnh nguyện bố thí, Tu Đà Cấp Cô Độc không chần chừ liền cho con gà. Nhưng ngay lúc ấy "tín hiệu thần tài" lại rời con gà, nhập vào một viên ngọc trên áo của chủ nhà. Người Bà la môn biết được sự việc quay qua xin viên ngọc thì y thấy "thần tài" bỏ viên ngọc, nhập vào trong cây gậy của Tu Đà Cấp Cô Độc. Y lại xin cây gậy thì "thần tài" di chuyển đến mái tóc của người đệ nhất phu nhân Tu Đà Cấp Cô Độc, tên là Punnalakkhana, một người đàn bà rất nhiều phúc đức và luôn luôn được các hàng chư Thiên vô hình bảo vệ.

Khi người Bà la môn nhìn thấy đệ nhất phu nhân Punnalakkhana thì y giật mình hoảng sợ, tự nhủ rằng: "Chết chưa! Bây giờ thần tài nằm trên mái tóc của đệ nhất phu nhân Tu Đà Cấp Cô Độc, lại có Thiên chúng hộ vệ thì ta hết đường chiếm đoạt".

Cuối cùng, người Bà la môn vì hổ thẹn đã thú thật dã tâm của mình với chủ nhà, rồi trả lại con gà, viên ngọc và cây gậy, đoạn bỏ đi.

Khi Tu Đà Cấp Cô Độc đến thăm Phật, thuật hết mọi chuyện liên quan đến người Bà la môn biết một thứ nhampton mà ông không hiểu gì cả, thì được nghe đức Phật giảng giải rằng:

- Này Tu Đà Cấp Cô Độc! Sự định tâm của con người có thể giúp họ biểu diễn được một số khả năng đặc biệt.

- Này Tu Đà Cấp Cô Độc! Nếu khả năng vật chất của loài người có thể tiện lợi, nhanh chóng, chính xác và tối tân hơn, nhờ vào những dụng cụ hay máy móc tinh vi, thì khả năng tâm linh của họ cũng có thể nhiệm mầu tuyệt diệu hơn, nhờ những ưu tính tu luyện thuần thực, thanh tịnh và thánh thiện.

- Xa hơn nữa, này Tu Đà Cấp Cô Độc! Niết bàn là một phẩm cách siêu việt đối với phạm nhân và những ai chưa dứt sạch phiền não. Nhưng Niết bàn là một pháp rất hiển nhiên và thực tế đối với các bậc đã hoàn toàn giải thoát. (Theo Jataka 284: Túc Sinh truyện số 284).

Tu Đà Cấp Cô Độc vốn có một lòng sùng kính đức Phật vô cùng chu đáo. Ông nghĩ đến mọi hình thức tạo phúc hướng về đức Phật. Khi đấng Toàn Giác có mặt gần ông tại đất nhà, thành phố Xá Vệ, thì ông hẳn đến Kỳ Viên Tự lễ bái hàng ngày. Nhưng những lúc đức Bồ Sư phải đi xa, lê gót chân ban bố chánh pháp các nơi khác, thì ông phải làm sao? Thế là một ý nghĩ tạo phương tiện để gián tiếp lễ bái đức Phật tại Xá Vệ lại nảy ra trong đầu óc ông.

Một hôm Tu Đà Cấp Cô Độc ngộ ý với Tôn giả A Nan Đà rằng: "Ông muốn xây một kiến trúc dành riêng cho đức Phật gần Kỳ Viên Tự". Rồi qua trung gian của Tôn giả A Nan Đà, ông được nghe đức Phật dạy:

- Có ba hình thức kiến trúc để tưởng nhớ lâu dài đến tròn giáo pháp một vị Phật. Đó là Bảo tháp (hay đền thờ), đài Kỳ niệm, và Thánh địa:

1/ *Bảo tháp* (hay đền thờ) dành để an trí các di thể, từ nhục thân của Phật để lại. Chẳng hạn như Xá lợi hay tro quý sau khi viên tịch hỏa táng v.v...

2/ *Đài Kỳ niệm* dùng để lưu giữ những vật dụng của đức Phật đã từng đi nhất là dùng một lần lúc sinh tiền. Chẳng hạn như bình bát, cội Bồ đề.

3/ *Thánh địa* dùng để gọi hình ảnh tượng trưng cho sự xuất hiện và những sinh hoạt của đức Phật khi còn tại thế.

Trong ba hình thức ấy để gián tiếp lễ bái này, cái thứ nhất không có được, vì đức Thế Tôn còn sống. Cái thứ ba cũng không thích hợp, vì Thánh địa gọi hình ảnh tượng trưng cho sự xuất hiện và sinh hoạt của đức Phật, chỉ có giá trị sau khi đức Phật đã khuất bóng! Còn lại hình thức lễ bái gián tiếp thứ hai là "Phật dụng" (hay đồ dùng của đức Phật) thì khá dễ tạo được.

Tu Đà Cấp Cô Độc liền nghĩ ngay đến cây Bồ đề ở xứ Uruvela, gần sông Ni Liên (Anoma) mà đức Phật đã dùng che nắng che mưa, để tìm ra con đường giải thoát, cứu khổ cho mình và toàn thể chúng sanh. Chính dưới cội Bồ đề này, Ngài đã tìm ra và mở được cánh cửa bất tử.

Suy nghĩ về những giá trị vật dụng như thế, sau cùng Tu Đà Cấp Cô Độc quyết định mang một nhánh Bồ đề, từ chỗ đức Phật đã đắc đạo kia, về trồng trong thành Xá Vệ.

Tôn giả Đại Mục Kiền Liên biết được thiện ý của Tu Đà Cấp Cô Độc, liền tình nguyện dùng thần thông chiết một nhánh con Bồ đề từ Bồ đề đạo tràng, mé rừng Uruvela (Khổ Hạnh lâm) thuộc nước Ma Kiệt Đà (Magadha) mang về thành Xá Vệ. (Lời thêm của dịch giả: Khoảng cách từ thành Xá Vệ đến Bồ đề đạo tràng rất xa, ngày nay nếu đi xe hơi cũng phải chạy một ngày ròng rã mới tới. Và lại, thuở ấy kỹ thuật canh nông trồng trọt không tối tân như bây giờ. Một nhánh Bồ đề con mà chuyên chở bằng kỵ mã hay mã xa, dưới ánh nắng như thiêu như đốt của miền Trung Ấn thì không cách gì còn sống đến chỗ trồng. Đây chính là lý do mà Tôn giả Đại Mục Kiền Liên đã phải dùng thần thông, một khả năng mà Thánh Tăng chỉ dùng trong những trường hợp bị bất buộc.

Nhắc lại việc trồng cây Bồ đề tại đại ngo môn chùa Kỳ Viên thành Xá Vệ. Khi ấy, ngoài sự chứng minh của đức Phật và Thánh chúng, còn có sự hiện diện của quốc vương Ba Tư Nặc. Tôn giả A Nan Đà nhìn Đại thánh Mục Kiền Liên thì thấy tự nhiên ông biến mất. Rồi chỉ một nháy mắt sau, ông đã hiện nguyên hình trở lại, trên tay cầm một nhánh Bồ đề con tươi rói, như mới được chiết từ thân cây mẹ cách đó vài giây. Tôn giả A Nan Đà nhân muốn đề cao thẩm quyền cai trị của một vị quốc vương trong lãnh thổ của họ, nên đã đón lấy cây Bồ đề con trên tay Đại thánh Mục Kiền Liên và trao lại cho vua Ba Tư Nặc.

Nhưng vua Ba Tư Nặc vội khiêm nhường nói rằng:

- Bạch đức Thế Tôn và chư Thánh Tăng! Trẫm chỉ là người đứng đầu trong vương quốc về mặt đời. Còn về mặt đạo, chính Tu Đà Cấp Cô Độc mới là bậc cư sĩ duy nhất xứng đáng gieo trồng giống Bồ đề thánh thiện này trên lãnh thổ của chúng ta. Vậy trẫm đề nghị nhường danh dự ấy cho Tu Đà Cấp Cô Độc".

Thế là cây Bồ đề được trồng tại trung tâm công trường, cổng chính dẫn vào Kỳ Viên Tự.

Và thời gian lặng lẽ trôi qua cây Bồ đề trước, chùa Kỳ Viên mỗi ngày một cao lớn, cành lá sum suê, cho bóng mát và nhắc nhở những kẻ thiện tâm tưởng nhớ đến khung cảnh nơi đức Phật đã thành đạo. Để tăng cường ý nghĩa sự hiện diện của cây Bồ đề chùa Kỳ Viên, Tôn giả A Nan Đà còn cung thỉnh đức Phật ngồi tham thiền bên gốc cây Bồ đề này để ban phúc đến Thọ thần và làm cho địa điểm càng lúc càng tăng sự thánh thiện, thanh tịnh.

Riêng Tu Đà Cấp Cô Độc, kể từ ngày cây Bồ đề hiện diện trước Kỳ Viên Tự ông đã xem đó như một hình ảnh thứ hai của đức Phật, nhất là những khi đang Toàn Giác đi hóa đạo phương xa. Tu Đà Cấp Cô Độc hằng ngày lại dùng cây Bồ đề làm đề mục tu thiền và ông đã ổn định được tâm hồn mình xuyên qua một hình ảnh gần nhất với sự đắc đạo của đức Phật (Theo Jataka 479: Túc Sanh truyện số 479).

-ooOoo-

[Đầu trang](#) | [Mục lục](#) | [Phần 2](#) | [Phần 3](#)

Chân thành cảm ơn Đại đức Giác Đồng đã gửi tặng phiên bản điện tử (Bình Anson, 04-2001)

[\[Trở về trang Thư Mục\]](#)

update: 04-04-2001

**Sự tích ngài Cấp Cô Độc, vị đại tín thí thời Đức Phật
Nguyễn Điều (1993)**

Phần 2

[III] GIA QUYỀN TU ĐÀ CẤP CÔ ĐỘC

Tu Đà Cấp Cô Độc cũng có gia đình, vợ con một cách êm ấm như tất cả mọi người. Vợ hiền ông tên là Punnalakkhana, nghĩa là "Nữ nhân phúc tướng", và bà đã có một đời sống trường giả đúng như ý nghĩa cái tên của bà. Trong gia đình, phu nhân Punnalakkhana luôn được sự yêu kính của tất cả mọi người. Bà như một nữ thần hằng bảo vệ toàn gia tộc, hiền lành với kẻ ăn người ở và thường xuyên hộ độ chư vị Thánh Tăng. Ngoài xã hội, bà là một tín nữ rất thâm nhuần Phật giáo, vì bà đã theo chân người anh rể góp mặt trong số những tín đồ đầu tiên của đức Phật.

Tu Đà Cấp Cô Độc có bốn người con: ba gái một trai. Trong ba tiểu thư ấy, có hai nàng tên là Tiểu Minh (Little Subhaddā) và Đại Minh (Big Subhaddā) rất thâm nhuần chánh pháp và đã đắc quả Nhập Lưu Tu Đà Huòn (Sotāpatti) như thân phụ của hai cô. Ba nghiệp thân, khẩu, ý hằng ngày của hai cô này vốn noi gương cha nên danh thơm đạo đức và sinh hoạt kinh doanh luôn luôn thịnh vượng. Hai cô đã lấy chồng xứng đáng và trở nên giàu có. Riêng cô gái thứ ba mà cũng là cô con gái út của Tu Đà Cấp Cô Độc, tên là Sumanā (tạm dịch là Mỹ Hoa) thiện căn vượt hẳn mọi người trong gia đình. Cô này có trí tuệ phi thường. Lần đầu tiên Mỹ Hoa nghe Phật thuyết pháp, cô liền đắc quả Tư Đà Hàm, tức quả Nhất Lai (chỉ còn bị luân hồi một lần nữa). Thánh quả Tư Đà Hàm là bậc thứ hai sau thánh quả bậc thứ nhất là Tu Đà Huòn (còn bị luân hồi bảy lần nữa). Kể từ đó, tâm hồn của Mỹ Hoa (Sumanā) thường xuyên thanh tịnh. Cô không chịu lấy chồng vì cô không bao giờ để tâm mình bị ô nhiễm trong tình yêu nhục dục. Mỗi lần cô nhìn thấy cái hạnh phúc lứa đôi mà cô biết là không tránh khỏi luật vô thường, của hai người chị, cô đâm ra buồn bã và lo ngại cho họ. Sau cùng vì không còn một chút gì mắc dính với cuộc sống thế gian, cô đã tinh tấn tu thiền, không màng đến ăn uống, nên cô đã viên tịch trước sự tiếc thương của toàn thể gia đình.

Sau khi chết, Mỹ Hoa (Sumanā) được sinh lên cõi trời Tusita, thiên cảnh cao nhất của cõi Dục giới. Và ở đó cô đã tinh tấn tu tập, diệt trừ những phiền não vì tế còn lại, rồi đắc quả hoàn toàn giải thoát khỏi sinh tử luân hồi. (Theo chú giải Kinh Pháp Cú).

Người con trai duy nhất của Tu Đà Cấp Cô Độc tên là Kàla, có nước da ngăm đen. Cậu ta là đứa con nổi dồng của gia tộc họ Tu Đà. Kàla không muốn biết bất cứ một giáo thuyết nào cả, hằng ngày cậu chỉ miệt mài trong nghề buôn bán làm giàu. Một hôm Tu Đà Cấp Cô Độc đã khuyến khích con mình giữ Bát quan trai giới bằng cách thưởng cho một ngàn đồng tiền vàng. Cậu ta liền bằng lòng, và sau đó cảm thấy ngày thọ giới Bát quan trai đã làm cho tâm hồn cậu ta dễ chịu. Thế là từ ấy về sau, mỗi tuần Kàla nghỉ buôn bán một ngày, để cùng với gia đình thọ Bát quan trai giới. Nhờ vậy mà cái không khí giữ Bát quan trai của gia đình Tu Đà Cấp Cô Độc đã trở nên đồng thuận, thoải mái, chứ không phải là một hình thức làm cho Kàla bức bối, khó chịu như trước.

Tiếp theo Tu Đà Cấp Cô Độc lại khuyến khích con trai mình đến chùa vào những ngày lễ để nghe đức Phật thuyết pháp, cũng bằng cách thưởng cho một ngàn đồng tiền vàng khác. Kàla lại một lần nữa vui mừng chấp thuận. Nhưng lần này chính là khúc quanh của đời sống tâm linh cậu ta. Vì sau khi nghe pháp, cậu liền đắc quả Tu Đà Hườn.

Kể từ đó, sinh hoạt hằng ngày của Kàla cũng giống như phụ thân chàng là chỉ biết tu hành làm phước. Cậu đã trở thành một trong những thí chủ quan trọng nhất của Phật giáo. Người ta đã gọi Kàla là "Thiếu Mạnh Thường" Cấp Cô Độc để phân biệt với danh hiệu của phụ thân chàng là "Thái Mạnh Thường" Cấp Cô Độc (Theo chú giải Pháp Cú Kinh: Dhammapada).

Kàla lập gia đình với nàng Sujàtā, em gái của một nữ thí chủ nổi tiếng là bà Visàkhā (Nguyệt Trang). Visàkhā là dâu của một ông bá hộ khác trong vùng tên là Migāra. Nhưng người đương thời thường gọi Visàkhā (Nguyệt Trang) là "Pháp mẫu" của bá hộ Migāra. Lý do chỉ vì Visàkhā rất thấm nhuần Phật giáo và đã đem chánh pháp truyền lại cho cha chồng. Người cha chồng này lúc trước vốn quần trí, đau khổ vì một số phiền não, suốt từ trần nên sau khi nhờ dâu hiền dùng Phật giáo cứu khổ liền không ngần ngại gọi nàng là "Pháp mẫu", tức là kẻ đã dùng Pháp bảo làm cho ông được "tái sinh" lại vậy.

Visàkhā (Nguyệt Trang) là một người đàn bà hiền hậu, gương mẫu bao nhiêu, thì cô em gái Sujàtā, vợ của Kàla, lại là một nữ nhân xấu tính, tự đắc bấy nhiêu. Cô ý vào sự giàu có của cả bên mình lẫn bên chồng nên tỏ ra gay gắt, bất bè, chấp nhất mọi người từng chút. Trong đầu óc Sujàtā, không bao giờ có một tư tưởng cao thượng hay thiện cảm được gọi lên, mà chỉ toàn là bất mãn, thiếu thốn, buồn bực sẵn sàng tuôn ra để làm phiền lụy cho bất cứ ai nằm trong tầm nóng giận của cô.

Sujàtā có thể đánh đập kẻ ăn người ở bất cứ lúc nào. Và cô có mặt ở đâu là ở đó có sự sợ hãi, khủng bố. Cô cũng chẳng bao giờ tôn trọng gia giáo, trật tự trong gia đình cha mẹ chồng, và ngay cả của chính chồng nàng nữa. Đây vốn là lý do mà Sujàtā đã không được người ngoài hay thân nhân trong gia đình thương mến, kính trọng.

Một hôm, sau bữa thọ trai, như thường lệ, đức Phật bắt đầu thuyết pháp thì nhiều tiếng la hét, gất gỏng, quở mắng gia nhân của Sujàtā làm kinh động cả nhà. Đức Thế Tôn bèn ngưng thuyết pháp hỏi Tu Đà Cấp Cô Độc xem tiếng ồn ào xằng xối ấy từ đâu tới, thì Phật được biết giọng gất gỏng kia không phải của ai khác, mà là của cô dâu trong nhà, một người đàn bà đánh đá vô lễ đối với chồng con, cha mẹ. Cô ta chẳng bao giờ biết bố thí, chẳng bao giờ có tín đức và thường xuyên gây gổ cãi cọ với mọi người xung quanh.

Đức Phật liền cho mời cô dâu của Tu Đà Cấp Cô Độc ra nghe thuyết pháp. Khi thiếu phụ ấy xuất hiện trước mặt, thì đáng Toàn Giác bèn hiền từ hỏi:

- Này nữ thiếu chủ! Cô là vợ của một thanh niên bá hộ. Vậy cô có thể vui lòng cho Như Lai biết cô tự xếp hạng nào trong bảy loại vợ trên thế gian này?

- Thưa Sa môn Cồ Đàm! Ngài muốn hỏi gì tôi không hiểu. Xin Ngài hãy giải ra cho.

- Này nữ thiếu chủ! Được lắm! Như Lai sẵn sàng giải đây, vậy cô cần lắng nghe!

Rồi đức Phật thuyết một bài kệ dài gồm chín đoạn:

*1. "Nữ nhân mê của, niềm tin chẳng có
Chê chồng mình, dần ông khác lại trông
Để được giàu sang, bụng sẵn giết chồng
Vợ như thế, vợ sát nhân ác loại".*

2. "Của chồng kiếm bằng bán buôn lẫn lợi
Bằng cấy cày, bằng đồng áng quanh năm
Mà nữ nhân mưu sự giữ riêng mình
Vợ như thế, khác nào phường trộm cắp".

3- "Thích ngủ, ham ăn, biếng lười, dụng lập
Lời lẽ cộc cằn, tư cách chanh chua
Chồng càng nhịn, thương, càng hiếp đáp bừa
Vợ như thế, vợ bạo tàn cay độc".

4. "Nữ nhân nào xem mình như nô bộc
Chăm sóc chồng như hiền mẫu chăm con
Giữ của cho chồng không để hao mòn
Vợ như thế sánh mẹ hiền chẳng khác".

5. "Nữ nhân nào kính thương chồng trong mắt
Như em gái dành cho một người anh
Phục vụ chồng luôn theo ý phu quân
Vợ như thế, tỷ muội nào dám sánh?".

6. "Nữ nhân nào chồng thấy là hân hạnh
Như bạn xa nhau gặp lại hằng năm
Dung mạo dịu dàng, nhân đức thấm nhuần
Vợ như thế, thiện hữu nhân chánh trực".

7. "Nữ nhân nào, không giận hờn thành thực
Mềm mỏng với chồng, kiên nhẫn khoan tâm
Giận chẳng giữ lâu, vâng ý chồng làm
Vợ như thế, chính là viên phụ tá".

8- "Các vợ sát nhân, độc tài, lang chạ
Cướp của, bắt lành, chẳng kính nể ai
Mạng thọ hết rồi, sẽ khổ chẳng sai
Cửa địa ngục hẳn là nơi họ đến".

9- "Nhưng nếu vợ như mẹ hiền, em mến
Như bạn thân hay phụ tá nhân từ
Đầy đủ đức lành, thanh nhã tâm tư
Sau khi chết sẽ tái sinh hạnh phúc!".

(N. Đ. Thoát dịch ra văn vần).

- Đây nữ thiếu chủ Sujàtā! Đây là bảy hạng người vợ mà một người đàn ông có thể gặp! Vậy Như Lai xin hỏi Sujàtā: Trong bảy hạng vợ ấy Sujàtā tự mình xếp vào hạng nào?

Bài kệ đã làm cho Sujàtā thức tỉnh và động lòng. Cô liền hứa với đức Phật từ rày về sau cô sẽ cố gắng hành động như một viên phụ tá đối với chồng. Lời dạy của đức Thế Tôn quá đã có hiệu lực làm cho Sujàtā trở thành một người vợ tốt. Từ đó, nàng hết lòng tin tưởng vào đức Phật và không quên nhớ ơn Ngài đã dùng chánh pháp cứu độ tâm hồn mình.

Tin đồn nàng Sujàtā, con dâu của ông Tu Đà Cấp Cô Độc đã phục thiện loan ra rất nhanh. Một buổi tối, đức Thế Tôn đi vào trong giảng đường chùa Kỳ Viên, bỗng thấy nhiều Tỷ kheo đang bàn tán. Phật hỏi lý do thì mới biết họ ca ngợi kết quả kỳ lạ của

Pháp bảo. Sau đó họ còn tán thán oai lực của đấng Toàn Giác đã kỳ diệu, có thể chuyển hóa được một người đàn bà ác độc như rồng, như rắn, trở thành một nữ chủ nhân hiền lành, kiều diễm. Nhân đó, đức Phật đã thuật lại cho chư Tỳ khưu đệ tử nghe một câu chuyện trong quá khứ giữa tiền thân Phật và tiền thân nàng Sujātā. Kiếp ấy nàng sinh làm mẹ vị Bồ Tát, và người con Bồ Tát đã sáng suốt khuyên nhủ bà mẹ nhiều tật xấu của mình, chừa bỏ chửi mắng và hồng hách, bằng cách so sánh phong cách của loài chim sơn ca có cử chỉ thanh nhã và tiếng hót thanh tao với giồng quạ có cử chỉ xấu xược và tiếng kêu chói tai, ai nghe cũng cảm thấy khó chịu. (Theo Jātaka 269 và Anguttara Nikāya VII 59: Túc Sinh truyện 269 và Tăng Chi A Hàm VII 59). (Lời thêm của dịch giả: Nàng Sujātā, con dâu của Tu Đà Cấp Cô Độc là một người khác. Xin quý Phật tử chớ lầm lẫn nàng với nữ thí chủ Sujātā đã dâng cơm sữa lần đầu tiên đến đức Phật, sau khi Ngài từ bỏ cách tu khổ hạnh thái quá để trở về con đường giữa: Trung đạo).

Sau cùng là nói đến người cháu trai của Tu Đà Cấp Cô Độc. Cậu này được thừa hưởng một gia tài lên đến bốn chục triệu đồng vàng. Nhưng cậu ta chỉ thích sống hoang đàng ăn chơi, phung phí, tối ngày chỉ biết rượu chè, cờ bạc. Cậu đã dùng hàng trăm ngàn đồng tiền vàng trong việc chơi bởi trác táng với những cô gái lầu xanh và bạn bè hư hỏng. Một con người ngu muội như cậu thì tiền bạc dù chất cao bằng núi cũng có lúc hết sạch.

Ngày kia, khi gia tài cạn kiệt, cậu bèn tìm đến người chú để xin giúp đỡ. Tu Đà Cấp Cô Độc liền tặng cho cậu ta một ngàn đồng tiền vàng và khuyên cháu mình nên dùng số ấy để làm vốn, gây dựng lại sản nghiệp.

Nhưng cậu ta vẫn chứng nào tật nấy, nên chẳng bao lâu số tiền ấy cũng xài hết. Lần thứ hai cậu đến xin, rồi lần thứ ba, lần thứ tư v.v... Cứ mỗi lần người cháu phá sản yêu cầu, thì Tu Đà Cấp Cô Độc lại cho tặng sự giúp đỡ thêm một ngàn đồng tiền vàng nữa, hy vọng rằng cháu mình sẽ đủ số làm vốn hầu xây lại cuộc đời.

Nhưng khi người cháu đến xin lần thứ năm thì Tu Đà Cấp Cô Độc vừa cho năm ngàn đồng tiền vàng vừa cảnh cáo: "Nếu cậu không lo tự sinh kế, tình chú cháu sẽ chấm dứt". Mặc dù lời hăm dọa đoạn giao của Tu Đà Cấp Cô Độc, người cháu vẫn đem nường số tiền ấy vào những nơi chơi bởi trác táng.

Về sau, mỗi lần người cháu hư hỏng này đến xin, thì toàn thể gia đình Tu Đà Cấp Cô Độc xem cậu như một người ăn mày chứ không coi cậu là con cháu trong nhà nữa. Từ đó họ chỉ cho quần áo và thức ăn, chứ không tặng tiền bạc.

Nhưng con người trụy lạc đó đã không còn biết hổ thẹn, tự trọng và danh dự. Cậu cứ nài nỉ thân nhân hãy cho tiền để cậu xài, chứ cậu không muốn nhận áo quần hay thực phẩm. Bởi tính lười biếng và ương ngạnh, nên thậm chí việc đi hành khất để kiếm ăn, cậu cũng không làm. Kết quả cậu đã chết đói trong một góc đường tăm tối.

Khi thi hài cậu được tìm thấy cạnh một chân tường, người ta đã nhặt nó vắt vào trong hầm xác, chôn những tử thi vô chủ. Tu Đà Cấp Cô Độc được gia nhân thuật lại chuyện này, ông liền tự hỏi rằng: "Phải chăng ông đã gián tiếp để cho cháu ông chết khổ như thế?".

Sau đó Tu Đà Cấp Cô Độc đến gặp Phật, thuật lại mọi chuyện, và hỏi đức Thế Tôn xem ở cương vị một người chú như ông, ông có thể hành động cách nào khác, đối với đứa cháu hư hỏng như thế?

Đức Phật liền dùng khả năng Chánh Biến Tri của một bậc Toàn Giác để "nhìn vào" trong quá khứ, thấy rõ những nhân duyên ác nghiệp của người cháu Tu Đà Cấp Cô Độc

chồng chất như thế nào, rồi biện giải được sự lo âu, sợ cộng nghiệp trong tâm hồn Tu Đà Cấp Cô Độc. Phật nói:

- Này Tu Đà Cấp Cô Độc! Lòng tham tiền bạc tích tụ của loài người tuy vô đáy, nhưng còn có cách điều chỉnh, trước khi sự chết xuất hiện. Chỉ có lòng tham hưởng thụ khoái lạc nhục dục thì không thể nào cứu vãn sớm hơn lưới hải của tử thần".

- Này Tu Đà Cấp Cô Độc! Vì tính say mê sắc dục và hưởng thụ vật chất (sinh ra lười biếng) mà đứa cháu trụy lạc của ông đã chịu chết đói hẩm hiu như thế trong quá khứ (tiền kiếp) nhiều lần rồi, chứ đây không phải là lần thứ nhất!" (Theo Túc Sinh truyện 291: Jataka 291).

[IV] TU ĐÀ CẤP CÔ ĐỘC TIẾP ĐỘ GIA NHÂN, THÂN HỮU

Tu Đà Cấp Cô Độc, một khi đã đắc quả Nhập Lưu, ông tinh tấn giữ đúng giới luật, thanh tịnh tâm hồn và nhiệt thành hướng dẫn thân thuộc xung quanh ông hướng về thiện nghiệp. Vì vậy ông đã sống trong một gia đình mà mọi người đều biết tu hành. Đức hạnh của Tu Đà Cấp Cô Độc không phải chỉ thấm nhuần đến vợ con, kẻ ăn người ở, mà còn thuyết phục được họ hàng của những cộng sự viên này nữa, khiến họ cũng thích bỏ thí, thích giữ giới và lo trai tịnh trong các ngày lễ (Theo Jataka 382).

Tư gia của Tu Đà Cấp Cô Độc tự nhiên đã biến thành một trung tâm từ thiện và phạm hạnh. Rồi tiếng lành lan rộng khắp vùng, thấu tai bạn bè và những bá hộ trong giới trường giả thành Xá Vệ.

Tu Đà Cấp Cô Độc không ép buộc bất kỳ ai tin theo Phật giáo. Ông cũng chẳng né tránh các khó khăn trong công cuộc làm ăn hằng ngày. Nhiều giai thoại về sự dũng cảm tranh đấu để tiến bước kinh doanh thuở ấy của ông, cũng đã được ghi lại trong nhiều kinh điển.

Một lần nọ, một nhóm người nghiện nhậu trong thành Xá Vệ hết tiền mua rượu. Họ bèn nghĩ ngay đến cách làm thế nào để phục rượu Tu Đà Cấp Cô Độc, ông bá hộ rất bình dân, hằng sống gần gũi với những dân nghèo. Trong đầu óc bọn người nghiện rượu này nghĩ rằng: "Hễ phục rượu được cho ông bá hộ thật say thì họ sẽ dễ dàng móc túi lấy tiền!". Sau thời gian theo dõi, họ biết Tu Đà Cấp Cô Độc thường dùng một con đường đặc biệt để tới lui thăm viếng nhà vua, họ bèn dựng lên một quán nhậu trên con đường ấy. Khi Tu Đà Cấp Cô Độc đi ngang thấy họ, dùng chân lịch sự chào hỏi, thì họ lập tức mời ông uống rượu. Tu Đà Cấp Cô Độc liền nhả nhặn từ chối và nói rằng:

- Một Phật tử thuần thành không bao giờ say sưa. Rồi ông bỏ đi.

Nhưng nhóm người nghiện rượu vẫn không chịu bỏ qua. Họ chờ ông bá hộ thăm vua xong, trên đường trở về, sẽ mời uống rượu một lần nữa. Lần này, Tu Đà Cấp Cô Độc nhìn thẳng vào mặt nhóm người đã tâm nghiêm nghị nói rằng:

- Phải chăng các anh muốn phục rượu tôi để móc túi? - Nếu thật sự mấy anh thích nhậu thì tại sao tất cả các bình rượu ở đây vẫn còn nguyên? Ác tâm của các anh không thể qua mắt tôi được đâu".

Nhóm dân nhậu nghe thế, hoảng sợ, vội biện hộ cầm chừng rồi rút lui mất dạng. (Theo Jataka 53).

Tu Đà Cấp Cô Độc còn có một đức tính đáng khen khác là "hỷ xả" trước những kẻ sống nhờ một số nghề đồng lõa với sự phạm giới. Chẳng hạn như câu chuyện sau đây:

Một trong những người bạn của Tu Đà Cấp Cô Độc làm nghề bán rượu. Ông biết vậy nhưng vẫn đối xử bình thường như một người bạn. Ngày kia, người bạn "bán rượu" này, vì sự bất cẩn của một tên giúp việc, đã mất hết sản nghiệp. Tu Đà Cấp Cô Độc hay tin ấy, liền đến chia buồn và tùy khả năng giúp bạn, chứ không phân biệt nghề nghiệp của bạn mình có hợp với Phật giáo hay không. Nói một cách khác: Tu Đà Cấp Cô Độc là một thiện tín giữ giới luật rất trong sạch, gương mẫu, nhưng ông không bao giờ ép buộc người thân phải làm như ông, hay tỏ ra mình đủ giới hạnh rồi xem thường kẻ khác! (Theo Jataka số 47).

Một lần khác, Tu Đà Cấp Cô Độc điều động chuyên chở một số hàng hóa ngang qua một vùng có nhiều trộm cướp. Ông đã khôn khéo chọn sự vất vả và tìm đường đi, tránh nơi bọn cướp phục kích, dù phải hành trình suốt đêm. Kết quả đoàn vận tải của ông đã được bình yên. Và lời Phật dạy ông đem áp dụng thực sự mang lại kết quả tốt.

Phật dạy: "Người có trí là người biết tạo sự an toàn bằng cách tránh xa những địa điểm nguy hiểm, hơn là biểu dương anh hùng tính của mình, để chạm trán với kẻ dữ".

Tu Đà Cấp Cô Độc cũng có tài tuyển chọn người hợp tác rất chính xác. Ông có một người bạn từng chơi với nhau từ lúc tuổi còn thơ. Người bạn này mang một cái tên nghe không mấy gì đẹp tai là "Bất Hạnh Điều" (tức con chim xui xẻo). Nhưng Tu Đà Cấp Cô Độc không úy kỵ cái tên "xấu" ấy, ông luôn luôn đối xử thân mật với Bất Hạnh Điều, và khi người bạn nghèo túng, ông còn sẵn sàng giúp đỡ tiền bạc, rồi đưa bạn mình vào làm việc trong tư gia!

Thân nhân và người lối xóm ai cũng chỉ trích Tu Đà Cấp Cô Độc đã mang điềm xấu (Bất Hạnh Điều) vô nhà. Nhất là họ viện dẫn rằng: "Bất Hạnh Điều thuộc về giai cấp thấp hèn hơn Tu Đà Cấp Cô Độc". Nhưng Tu Đà Cấp Cô Độc đã thẳng thắn phản đối. Ông nói:

- Cái tên chỉ là cái tên! Trong biệt danh không có sự lành sự dữ! Người trí không bao giờ bận tâm với chuyện dị đoan vô ích.

Ngày kia, Tu Đà Cấp Cô Độc đi buôn bán xa. Ông giao phó nhà cửa cho Bất Hạnh Điều trông coi. Bọn ăn trộm nghe tin ông bá hộ vắng mặt liền lập mưu cướp của. Nhưng khi chúng núp xung quanh ngôi nhà, chờ dịp xâm nhập, thì Bất Hạnh Điều nhờ tính cảnh giác và thông minh canh chừng, đã dùng chuông trống đánh âm lên, như trong nhà đang thiết lễ lớn, khiến cho bọn gian nhân đang rình ăn trộm bên ngoài hoảng sợ, tưởng rằng ông bá hộ và đoàn vệ sĩ hiện có mặt trong nhà chứ không đi đâu cả. Thế là chúng im lặng rút lui.

Khi Tu Đà Cấp Cô Độc và đoàn tùy tùng trở về, thấy nhà cửa an toàn, đồng thời nghe câu chuyện bọn cướp bị thất bại ấy, ông bèn tuyên bố với những người "dị đoan" đã chỉ trích ông rằng:

- Đấy! Quý vị thấy chưa? Bất Hạnh Điều đã làm việc rất hữu hiệu, đẩy lui được trộm cướp. Nếu tôi nghe theo lời khuyên dị đoan của các người, đuổi Bất Hạnh Điều đi, thì bây giờ tôi đã mất của rồi" (Theo Jataka 83. 121).

Hầu hết những thân hữu của Tu Đà Cấp Cô Độc là những người không Phật giáo, và giữ tín ngưỡng riêng. Thậm chí một số lớn còn là đệ tử của những đạo sĩ du phương cầm đầu, đại diện cho nhiều môn phái đang phát triển mạnh ở Trung Ấn Độ thuở bấy giờ. Thế mà một hôm Tu Đà Cấp Cô Độc tỏ nhĩa mời hết những thân hữu ấy kéo nhau

đến nghe đức Phật thuyết pháp, thì họ đồng loạt vui vẻ đi liền. Và chỉ sau khi nghe thuyết pháp, lần đầu tâm hồn họ đã đổi khác. Một sự kinh cảm thấy được chân lý đã thúc đẩy họ lần lượt xin làm đệ tử Phật.

Và kể từ đó họ thường xuyên lui tới Kỳ Viên Tự, mang bốn món vật dụng đến dâng cúng cho chư Tăng và tinh tấn giữ tám giới trong những ngày thánh lễ. Nhưng tiếc thay, thiện hạnh ấy họ không thực hiện được lâu, vì sau đó, khi đức Phật đi hóa đạo phương xa, vắng mặt trong thành Xá Vệ, thì họ lại chênh mảng ít đi chùa, rồi dần dần quay trở lại với những giáo chủ cũ.

Mấy tháng sau, khi đức Thế Tôn trở về thành Xá Vệ, Tu Đà Cấp Cô Độc lại dẫn những người bạn ấy đến thăm đức Phật. Lần này, đấng Toàn Giác không những giải rõ cho họ thấy các khía cạnh thực tế hữu ích của Phật giáo, mà Ngài còn cảnh cáo rằng:

- Chẳng có một Thần linh hay Thượng đế nào có thể che chở cho con người tránh khỏi khổ đau phiền não hơn là tự mình tự tu, tự độ, trong sự thường xuyên thân cận với Phật, Pháp, Tăng, lấy ba ngôi ấy làm chỗ nương nhờ tuyệt đối và làm đuốc soi đường.

Ai sinh ra vào thời có đức Phật độ sinh là một dịp may hiếm có. Nếu vì tâm tối lại để mất cơ hội học hỏi, tu hành theo Phật giáo là một điều vô cùng đáng tiếc! Ngược lại, ai sáng suốt khi tìm thấy chân lý Phật giáo rồi, liền nhất tâm qui y Tam bảo, trau dồi giới hạnh, tăng cường thiện nghiệp, thì người ấy nếu không được giải thoát trong kiếp này thì kiếp sau chắc chắn sẽ hạnh phúc tái sinh làm người hay làm trời.

Đoạn đức Thế Tôn tán dương đức lành của Tam bảo (Ba ngôi Phật, Pháp, Tăng) bằng những kệ ngôn sau đây:

*"Ai nương tựa vào ân Phật bảo (I)
Thì cõi đời khổ não được xa
Thân người khi tận tuổi già
Hạnh sinh thiên giới một nhà an vui.*

*Ai nương tựa vào ân Pháp bảo
Thì cõi đời khổ não được xa
Thân người khi tận tuổi già
Hạnh sinh thiên giới một nhà an vui.*

*Ai nương tựa vào ân Tăng bảo
Thì cõi đời khổ não được xa
Thân người khi tận tuổi già
Hạnh sinh thiên giới một nhà an vui.*

*Tìm giải khổ vào nơi rừng núi
Hay đền thờ, cây cối vườn hoang
Nơi nào vốn cũng làm than
Tứ sinh đeo đuổi không đường thoát thân.*

*Nhưng nếu đặt niềm tin Tam bảo
Phật, Pháp, Tăng thánh báu rõ ràng
Tâm nhuần Từ Đức, hành trang
Sống theo Bát Chánh, con đường cứu thân.*

*Đến cõi giác bụi trần phôi sạch (II)
Nẻo luân hồi cũng tách lìa xa
Không sinh, không bệnh, không già*

Không trong tam giới, không là triệt tiêu!

*Phẩm giải thoát không nhiều, không ít
Không thấp, cao, xương thịt, buộc ràng
Không vui, không khổ Niết bàn
Tự do tuyệt đối, tình trạng vô biên!"*

*(I, II theo Dìgha Nikàya, 20 và Dhammapada các câu 188 -192 -N. Đ.
thoát dịch ra văn vần).*

Xuyên qua những câu kệ ngắn, gọn và thâm thúy như thế, đức Toàn Giác đã kích thích được chánh tâm của những người bạn Tu Đà Cấp Cô Độc, khiến họ hiểu thấu chân lý giải thoát trong Phật giáo, nhất là các pháp Tứ Diệu Đế và Bát Chánh Đạo. Rồi sau câu kệ cuối cùng tất cả đã đắc quả Nhập Lưu Tu Đà Hườn, trước sự hiện diện của Tu Đà Cấp Cô Độc. (Theo Jataka 1). Do đó, chúng ta có thể nói chính Tu Đà Cấp Cô Độc đã tiếp độ được bạn bè mình vậy!

-ooOoo-

[Đầu trang](#) | [Mục lục](#) | [Phần 1](#) | [Phần 3](#)

Chân thành cảm ơn Đại đức Giác Đồng đã gửi tặng phiên bản điện tử (Bình Anson, 04-2001)

[\[Trở về trang Thư Mục\]](#)

update: 04-04-2001

**Sự tích ngài Cấp Cô Độc, vị đại tín thí thời Đức Phật
Nguyễn Điều (1993)**

Phần 3

[V] NHỮNG BÀI PHÁP PHẬT THUYẾT CHO TU ĐÀ CẤP CÔ ĐỘC

Trong bốn mươi lăm năm trường hoàng dương chánh pháp, đức Phật đã nhập hạ mười chín lần ở thành Xá Vệ, tại chùa Kỳ Viên, do Tu Đà Cấp Cô Độc tạo lập, thuộc tư thổ của Thái tử Kỳ Đà (Jeta). Mỗi khi Phật nhập hạ (tức ở yên một chỗ tĩnh tấn hành thiền suốt ba tháng mùa mưa) như thế, thì Tu Đà Cấp Cô Độc hằng ngày đến thăm Phật hai lần. Mục đích chính của ông là chỉ để thấy mặt đức Bồn Sư, nhưng nếu thuận duyên, cũng được nghe pháp. Vì vậy, Tu Đà Cấp Cô Độc thường do dự lúc định hỏi đức Phật một vài vấn đề liên quan đến Pháp học. Bởi ông nghĩ rằng: "Ta là đại thí chủ của Giáo hội, ta không nên gây cảm tưởng nơi Tăng chúng hiểu lầm việc bỏ thí cúng dường của ta, là để đòi lấy những bài Pháp quý báu của đức Phật!".

Đối với Tu Đà Cấp Cô Độc, sự cúng dường bắt nguồn từ thiện tâm, từ sự thỏa thích trong hành động làm phước, chứ không phải làm phước để được đền bù. Và chính trong sự thanh tịnh làm phước ấy, niềm hoan hỷ cao thượng hẳn là một đền bù xứng đáng rồi! Ông luôn luôn cố tránh không gây cho Tăng chúng hay đức Phật cảm giác rằng: "Mỗi lần Tu Đà Cấp Cô Độc đến, Phật phải thuyết pháp cho ông nghe" - mà trái lại nếu đức Thế Tôn hay một Đại Sa môn nào đó nói pháp đến ông, là do lòng từ bi và sự hoan hỷ muốn bố thí pháp của các Ngài!

Từ nguyên nhân đó, khi đến hầu Phật, Tu Đà Cấp Cô Độc, sau phần đánh lễ đức Bồn Sư, luôn luôn yên lặng ngồi sang một bên, trước tiên xem Phật có điều gì dạy bảo không. Sau đó nếu đức Thế Tôn chẳng có chỉ nhắn nhủ thì ông sẽ tùy cơ hội thuật lại cho đức Phật nghe, những biến đổi thăng trầm trong đời sống của ông, nhất là kể lại các giai thoại tiếp nối với những gì đức Phật đã biết.

Tu Đà Cấp Cô Độc làm vậy không phải để khoe khoang đời mình, mà để xin đức Phật sự phân tích chính xác, nhận xét sâu xa mỗi hoàn cảnh rồi chấp thuận hay phê bình hạnh kiểm của ông. Nhiều khi ấy cũng chính là phần gọi đầu cho một bài pháp Phật sẽ thuyết. Kết quả có rất nhiều những thiện hạnh trong đời sống của ông đã làm căn bản nội dung những bài pháp Phật đã thuyết.

Do đó, nhiều lời dạy của đức Phật dành riêng cho Tu Đà Cấp Cô Độc lại trở thành "pháp số" khá phổ thông trong giáo lý giải thoát, nhất là giáo lý hướng dẫn sự trau dồi đức hạnh của người cư sĩ. Tất cả những lời dạy ấy khi hợp lại có thể xem như một bộ luật áp dụng trong lãnh vực cải thiện tư tưởng của các hàng Phật tử tại gia. Nếu xét trên khía cạnh này, thì Cấp Cô Độc không chỉ là một đại ân nhân của giáo hội khi đức Phật còn tại tiền, mà ông là một người có công làm sung túc Pháp học cho các thế hệ cư sĩ về sau nữa!

Những Pháp học ấy nằm rải rác trong toàn bộ kinh Tăng Chi A Hàm (*Anguttara Nikāya* - *Quý vị nào cần tham khảo đầy đủ, hãy tìm đọc "The discourse collection in numerical order" (Pháp Số tuyển tập) của Nyanaponika, do The Wheel xuất bản: phần I các số 153, 155. Phần II các số 208, 211 và phần III các số 238, 240.*) trải dài từ các phức ngôn đơn giản nhất cho đến những giáo lý sâu xa nhất. Sau đây, chúng tôi chỉ xin trích một số ít tượng trưng những phức ngôn căn bản dành riêng cho các giới cư sĩ:

- Này các con! Người Phật tử tại gia cao thượng, khi đã thấm nhuần Pháp bảo, hằng ngày sẵn sàng hộ trì khung cảnh sống đạo, chăm sóc bốn thứ gieo trồng. Vì nhờ đó họ sẽ có danh thơm, sẽ có trú sở trong kiếp sau trên thiên cảnh! Vậy bốn thứ gieo trồng ấy là gì?"

- Này các con! Bốn thứ gieo trồng ấy là vật thực, y phục, chỗ ở và thuốc trị bệnh. Bốn thứ này, các con nên thường xuyên dâng cúng cho chư Tăng tròn đủ giới hạnh, vì các Ngài là phước điền của chúng sanh vậy!" (Theo *Anguttara Nikāya* IV. 60: Tăng Chi A Hàm IV. 60).

Một chỗ khác, Phật nói:

- Này các con! Có bốn loại hạnh phúc mà người cư sĩ có thể đạt tới là "hạnh phúc được làm chủ", "hạnh phúc có nhiều của cải", "hạnh phúc không thiếu nợ kẻ khác", và "hạnh phúc không bị ai chê cười".

Rồi Phật giảng giải:

1/ Này các con! Kẻ giàu có nhờ nghị lực và tính cần mẫn của mình, bằng đôi bàn tay, cùng mồ hôi nước mắt với lòng dũng cảm. Đồng thời nghĩ rằng: Những gì ta có đều xứng đáng, hợp pháp, là niềm hạnh diện! Nhân suy tư như thế, và thỏa mãn thì ấy là "Hạnh phúc của người làm chủ".

2/ Kẻ nào giàu có hợp pháp, và do tính chuyên cần của mình, rồi thụ hưởng cho bản thân, và biết chia sẻ cho những ai khốn khổ hay tạo thiện duyên, gieo trồng vào phước điền Tăng bảo, đồng thời nghĩ rằng: Ta xứng đáng hưởng sự giàu sang này. Ta còn biết dùng một phần giàu có ấy để làm phúc, tạo an lành kiếp sau. Ta là người sống đúng chánh nghiệp và chánh mạng. Ta luôn luôn thỏa mãn! Suy nghĩ như vậy là hạnh phúc có nhiều của cải.

3/ Một người không thiếu nợ ai, dù lớn hay nhỏ. Đồng thời nghĩ rằng: Ta là một công dân xứng đáng trong xã hội. Ta không phải là nguồn nghi kỵ, nguồn lưỡng gạc cho bất cứ kẻ nào. Tâm tư như vậy là hạnh phúc không thiếu nợ.

4/ Người Phật tử cao thượng là kẻ không bao giờ bị ai phàn nàn hay chê trách, dù sự chê trách ấy trong tâm, bằng hành động hay bằng lời nói! Rồi Phật tử ấy nghĩ rằng: Ta thật an lành vì không bị ai chê trách hay khinh bỉ qua ba ngũ thân, khẩu và ý. Sự an lành này làm cho đời sống của ta luôn luôn tự tin và thanh tịnh. Tư duy như vậy gọi là Hạnh phúc không bị thế gian chê cười (Theo *Anguttara Nikāya* IV. 62: Tăng Chi A Hàm số IV. 62).

Trên đây là bài "Pháp số bốn" (tức các pháp có bốn chi). Còn "Pháp số năm" (Pháp có năm chi) thì xin trích như sau:

Phật nói:

- Nay các hàng Phật tử tại gia! Có năm điều mà người đời hằng ao ước được có, hằng thích gần gũi và hằng tìm cách để kiến tạo cho mình là: sống lâu, sắc đẹp, an vui, danh tiếng và thượng sinh lên cõi trời.

Nhưng nay các hàng Phật tử tại gia! Như Lai không dạy cho các con đem ngày đốt nhang cầu khẩn hay nguyện ước để được năm hạnh phúc đó, vì ấy là hành động mê tín và làm chuyện vô ích.

Hàng Phật tử tại gia cao thượng là những người biết rõ thế nào là mê tín dị đoan, không tin tưởng và thỏa thích trong những hình thức tế lễ thần linh, cầu khẩn nơi tha lực. Ngược lại, họ lúc nào cũng tự tin, thanh tịnh và sống đúng theo Bát Chánh Đạo. Rồi tuổi thọ của họ nhờ đó sẽ gia tăng, gia tăng đến vô lượng.

Tương tự như vậy, đối với bốn điều ao ước còn lại, người Phật tử sống trong chánh kiến cũng không tin vào Thượng đế hay Thần linh có thể ban cho mình sắc đẹp, sự an vui, danh tiếng, hay đưa mình lên cõi trời. Họ chỉ hằng ngày sống đúng theo Bát Chánh Đạo. Rồi sắc đẹp của họ sẽ gia tăng, hạnh phúc của họ sẽ lâu dài, danh thơm của họ sẽ loang rộng, và hết kiếp, họ sẽ được sinh lên nhân cảnh cao hơn (Theo Anguttara Nikāya V. 43: Tăng Chi A Hàm số V. 43).

Trong một bài "Pháp năm chi" khác, đức Phật đã nói:

- Nay các hàng Phật tử tại gia! Có năm cơ duyên để cho một người giàu có, có thể duy trì được hạnh phúc là:

1. Đối xử đúng phép với cha mẹ, vợ con và kẻ ăn người ở trong nhà: Người có chánh tín là người biết sử dụng của cải, do công lao chính họ hợp pháp tạo ra, không những để mang lại hạnh phúc bản thân mà còn mang lại hạnh phúc cho gia đình gồm cha mẹ, vợ con và kẻ ăn người ở. Từ đó những người sống dưới mái nhà chung của họ, sẽ luôn luôn tìm cách bảo vệ sự giàu có đó để cộng đồng thụ hưởng.
2. Đối xử đúng phép với bạn bè, đồng liêu: Người giàu có đủ đức hạnh, là người biết tạo dịp cho bạn bè, đồng liêu của mình cùng tiến thân phát đạt như mình. Từ đó họ sẽ được bạn bè hay đồng liêu kính trọng và tìm dịp trả ơn.
3. Đối xử đúng phép với của cải: Ý nói biết cách giữ gìn, biết phòng ngừa gian tặc, và chọn người xứng đáng để giao phó, hay cất kín vào những nơi an toàn.
4. Đối xử đúng phép với thân tộc, dòng họ. Nếu trong lãnh vực thương mại, thì còn phải biết đối xử đúng phép với các khách hàng, chức sắc địa phương (có sách gọi là quý thân), vua chúa và chư Thiên. Những đối tượng đó, khi đã được kẻ giàu có đối xử đúng phép, sẽ hài lòng, khen ngợi và nhân dịp che chở họ.
5. Đối xử đúng phép với Thiên sứ, Thánh nhân và các hàng phạm hạnh: Nhất là đối xử đúng phép với các bậc Sa môn giữ đúng giới luật, dẹp bỏ tà kiến ngã mạn, lười biếng và tu pháp nhẫn nhục, khiêm nhường, hằng ngày tinh tấn và làm chủ lấy mình, an định tinh thần và thanh lọc nội tâm.

Năm cơ duyên nói trên hằng nghiệm đúng cả hai phương diện: Vật chất và tinh thần! Vì những người cư sĩ sống đạo chân chánh, biết và thực hành đầy đủ năm cách đối xử đúng phép ấy, rồi bởi do nghiệp tiền kiếp, họ có thể trở thành nghèo khổ, mất hết của

cải, họ cũng còn cái hạnh phúc chánh tín trong tâm, suy nghĩ rằng: "Thăng trầm vật chất trên cuộc đời vốn nằm trong lẽ vô thường! Nhưng ta vẫn toại nguyện, vì đã sống đúng theo pháp lành!". Rồi tâm tư họ bình thản!

Ngược lại, ví thử người cư sĩ sống đạo chân chánh ấy, nhờ thực hành đầy đủ năm cách đối xử cao thượng mà trở nên phát đạt, giàu có hơn trước gấp bội đi nữa, thì họ cũng không mất cái chánh tín, thanh tịnh trong tâm. Họ tự duy rằng: "Ta nhờ hưởng quả giàu sang do thiện nhân đã gieo trồng trong kiếp trước mà hiện tại tạo được nghiệp lành, đối xử đầy đủ với năm cơ duyên duy trì hạnh phúc! Và ta đã gặt hái được trái tốt ngay trong kiếp này là một điều nghiệm đúng chân lý! Ta không nên vì vậy mà trở nên dễ dãi, chểnh mảng trong việc trau dồi đức hạnh!". Nghĩa là trong hai trường hợp "thăng trầm" người cư sĩ có chánh tín không bị vật chất lung lạc tâm hồn! (Theo Anguttara Nikaya V. 41: Tăng Chi A Hàm số V. 41).

Điểm quan trọng cần được nhắc lại ở đây là xuyên qua một "Pháp số bốn" khác, trong tạng kinh, đức Phật, nhân một cơ hội nói pháp đến các hàng trưởng giả, thân hữu của Tu Đà Cáp Cô Độc, Ngài đã nhấn mạnh với người tạo lập ra ngôi chùa Kỳ Viên rằng:

- Nay đại cư sĩ Tu Đà Cáp Cô Độc! Bốn phúc đức mà người đời cho là quý báu, đáng ao ước, hân hạnh và khó tìm là:

1. Xin cho tôi tạo được sự giàu sang hợp pháp.
2. Khi được nhiều của cải hợp pháp rồi, xin cho tôi tạo được danh thơm, cùng với thân tộc, thầy tổ.
3. Xin cho tôi được sống lâu, tuổi thọ càng cao càng tốt.
4. Khi mạng chung, xin cho tôi được lên thiên cảnh.

- Nay Tu Đà Cáp Cô Độc! Muốn tạo duyên đưa đến quả lành, thụ hưởng bốn phước báu vừa nêu trên, ông hãy gieo trồng bốn thiện nhân.

- Nay Tu Đà Cáp Cô Độc! Vậy bốn thiện nhân đó là gì? Là hoàn toàn trong niềm tin, hoàn toàn trong giới đức, hoàn toàn trong bố thí, và hoàn toàn trong trí tuệ (Theo Anguttara Nikaya IV. 61: Tăng Chi A Hàm số IV. 61).

Và lại, niềm tin chân chánh chỉ có thể đạt tới khi chúng ta may mắn gặp được một đáng Toàn Giác, ngưỡng mộ Ngài và hiểu thấu chân lý trong phúc âm của Ngài! Nhất là phải nhận thức rõ bản chất của mọi vật hiện hữu trong phúc âm đó! Một Phật tử muốn viên tròn giới đức, phải gìn giữ đầy đủ tối thiểu năm giới cấm, xem ấy như "luân lý căn bản" trong cuộc đời. Và hạnh bố thí cũng là một thiện pháp khác, có khả năng đưa mòn tính tham lam, keo kiệt, một thứ ác pháp hăng làm chập hạp tâm tính!

Người đạt được trí tuệ giải thoát là người thấy rõ rằng: Ai tâm hồn còn bị ô nhiễm bởi những tham luyến, ác ý, chán nản, khích động, quên mình và nghi kỵ, thì kẻ ấy sẽ thường xuyên làm những nghiệp trần không đáng làm, và ngược lại sẽ bỏ qua các cơ hội thực hiện nhiều thiện nghiệp! Chưa kể người quen làm tội, thì lơ là việc lành, rồi kết quả nhân tiền là họ sẽ mất dần "uy tín" và tiêu hao tiền bạc!

Nhưng bậc có thiện hạnh khác hẳn. Họ luôn luôn thanh tịnh gìn giữ con tâm, quan sát những động cơ thúc đẩy họ tạo tác, để lúc nào họ cũng sẵn sàng loại bỏ những chương ngại phiền não (*Chương ngại phiền não có năm là: 1/ tham lam, 2/ ác tâm, 3/ lòng biếng cộng hôn trầm, 4/ bản khoan cộng lo âu, 5/ nghi kỵ. Muốn biết thêm hãy đọc cuốn "The Five Mental Hindrances" (Năm chương ngại nội tâm) của Nyanaponika.*

The Wheel xuất bản số 26.) rình chờ đẩy họ vào ác nghiệp! Và kết quả của sự cảnh giác đó, là đạt được trí tuệ vậy!

Người Phật tử sống đạo chân chánh, do nhờ trau dồi niềm tin, giới đức, bố thí và trí tuệ, mà thừa hưởng bốn điều hạnh phúc là giàu sang, danh thơm, sống lâu, và tái sinh thiên cảnh. Rồi họ cũng không chênh mảng vui chơi, lại sử dụng những phúc lành ấy để không ngừng tạo thêm thiện nghiệp, thì họ không những đã làm cho bản thân, gia đình mình hạnh phúc, mà họ còn làm cho bạn bè, xã hội được an vui lây. Tai nạn xung đột giữa con người với con người họ hằng tránh khỏi, đề thường xuyên hành động theo "năm cách đối xử đúng phép" như đã nói trên. Nhất là sự đối xử đúng phép với các bậc chân tu, phạm hạnh.

Trái lại, kẻ nào giàu có mà không biết sử dụng tài sản của mình để gieo trồng nhân lành để ra bốn "quả hạnh phúc" ấy, thì gọi là người sống không có mục đích, phung phí sự giàu sang của mình một cách vô nghĩa. (Theo Anguttara Nikāya IV. 61: Tăng Chi A Hàm số IV. 61).

Một dịp khác, đức Phật cũng giảng giải và phân loại về các cách tạo và sử dụng tài sản khác nhau, trong một bài pháp có tựa là "Mười hạng người tạo và sử dụng của cải". Phật nói:

1. Kẻ ngu muội, nhất là người ham thích tạo của cải một cách bất chánh rồi khư khư cất giữ, không dám sử dụng cho chính bản thân, cũng không dám sử dụng cho vợ con, gia đình.

2. Nhẹ hơn một chút là người có của cải, tạo được bằng mọi cách, mà chỉ biết sử dụng cho riêng mình, chứ không ngó ngàng gì đến vợ con, gia đình.

3. Hạng người thứ ba chiếm phần nửa nhân loại trên thế gian này là loại người ham tạo của cải, bất chấp chánh đáng hay không chánh đáng, nhưng chỉ thích sử dụng cho riêng mình và vợ con trong gia đình mà thôi. Tuyệt đối họ không chia sẻ cho một ai khác.

Cả ba hạng người này vốn coi thường pháp luật, khinh rẻ thiện nghiệp. Nhưng nếu họ thấy gian nhân bị quan chức bắt được thì họ cũng gân cổ kết tội việc xấu xa. Nghĩa là họ chỉ thấy cái lỗi của người khác, chứ không thích bình phẩm về hành động của chính mình.

4. Hạng người thứ tư có kiến thức tối thiểu là biết rằng: Mục đích căn bản của việc tạo ra tài sản và giữ gìn của cải, là để mang lại hạnh phúc cho bản thân, mà sự sợ sệt là một trong những bất hạnh. Do đó, họ cố gắng tạo ra một phần của cải hợp pháp, hầu công khai sử dụng trước tiên cho mình, và sau cho người thân, một cách yên tâm.

5. Hạng người thứ năm thích sự an ổn trong tâm hồn, nhất là không sợ sệt. Nên họ luôn luôn cố gắng tạo của cải một cách chánh đáng, hầu khi sử dụng cho riêng mình hay chia sẻ cho kẻ khác, cả hai trường hợp, họ đều thỏa mãn, chẳng bị lương tâm cắn rứt hay lo sợ xung đột giữa hai cách thức được của lành và bất lành.

6. Hạng người thứ sáu là kẻ tậu được của cải hoàn toàn bất hợp pháp. Nhưng vì quá sợ sệt, đem chôn giấu một chỗ bí mật, có khi đến chết cũng không dám sử dụng. Nên tài sản đó chẳng mang lại hạnh phúc cho chính họ, hay cho bất kỳ ai.

7. Hạng người thứ bảy là hạng người tạo ra tài sản, không những đúng pháp luật của nhà nước, mà còn giữ đúng lễ đạo, và họ rất hài lòng sử dụng. Nhưng nghĩ rằng: Của cải này không dễ tìm, nên họ chỉ dành riêng cho bản thân và gia đình mà thôi. Họ không dám bố thí.

8. Hạng người thứ tám là hạng người luôn luôn sống theo chánh nghiệp và chánh mạng, dùng tài năng và thiện hạnh để tạo ra tài sản, rồi sử dụng cho bản thân, gia đình, và giúp đỡ kẻ khác.

9. Hạng người thứ chín là những kẻ giàu nhân tính, thích hưởng thụ. Khi họ giàu sang trong hiện tại thì nghĩ đến nhân lành đã tạo trong quá khứ, rồi họ đem của giúp đời, biến nó thành chỗ nương nhờ tương lai. Họ thường xuyên bố thí, làm phước, xây chùa v.v...

10. Hạng người thứ mười là các bậc Đại thiện sĩ, hay Chuyển luân thánh vương, tài sản rất nhiều. Nhưng nhờ trí tuệ họ thấy rằng: Trong sự sang cả ấy, có sẵn mầm nguy hiểm, nếu ta để xuôi, sẽ bị dắt dẫn vào sự sa đọa hay vướng mắc trong vòng luân hồi! Rồi họ luôn luôn dùng tài sản ấy, đem lại an vui, hạnh phúc cho kẻ khác, nhắm đến toàn thể nhân loại, chúng sanh. Nhất là trong chiều hướng tạo thiện duyên để về sau họ sẽ được giải thoát. (Theo Anguttara Nikāya V. 91)

Trong Tăng Chi A Hàm có một đoạn đức Phật hỏi Tu Đà Cấp Cô Độc xem người nào ông đã chuẩn bị thực phẩm "chu đáo" chưa?

Câu này hẳn phải làm cho người đọc cảm thấy có cái gì là lạ, vì một vị Phật hiếm khi đặt một câu hỏi tò mò, "tâm thường" như vậy!

Nhưng theo chú giải thì câu nói đó ám chỉ "sự kính trọng" nơi vật thí. Hai chữ "chu đáo" có nghĩa là "một cách kính trọng", vì đức Phật thừa biết rằng Tu Đà Cấp Cô Độc luôn luôn cúng dường đến chư Tăng và bố thí đến dân nghèo một cách đầy đủ, rộng rãi, song Ngài vẫn e ngại, biết đâu gia nhân thay mặt ông làm việc đó, có thể tỏ ra thiếu kính trọng, khi trao thực phẩm đến người nhận.

Từ đó, một vấn đề được nêu ra là thái độ dâng cúng hay bố thí có được lễ phép hay không?!

Đức Phật phân tích:

- Nay Tu Đà Cấp Cô Độc! Khi một người hiến dâng hay cho một món gì đến kẻ khác, thì phước báu của việc làm ấy không xác định trên giá trị của vật dụng, mà xác định trên tâm thành của người thực hành thiện nghiệp. Ví thử người chỉ tặng một món ăn tâm thường với lòng thành kính thì phước báu vẫn nhiều hơn là cho một vật quý giá mà tỏ vẻ hơi hợm, lấy lệ, nếu không muốn nói là khinh bỉ! Kẻ nào tặng y phục hoặc thực phẩm đến chư Tăng hay dân nghèo mà chỉ "thấy ra đó" hoặc "mời lời" lấy lệ, chứ thực tế trong lòng không có niềm tin, không có sự tôn kính, thì hậu quả của thái độ ấy, kiếp sau người thấy thực phẩm dù ngon đến mấy miệng cũng sẽ không muốn ăn, quần áo tốt hay mới toanh, đáng mặc thì họ lại mắc cỡ, đi tìm đồ cũ của mình để mặc. Còn năm giác quan của họ thì sẽ chậm chạp, không linh động. Chưa kể con cái, kẻ ăn người ở trong nhà sẽ không vâng lời họ v.v... Ai giàu có mà chịu sự bất lạnh này, là do tiền kiếp đã bố thí một cách không kính trọng vậy.

Mặt khác, đức hạnh của người nhận vật thí cũng vô cùng quan trọng! Liên quan đến vấn đề này, đức Phật đã kể cho Tu Đà Cấp Cô Độc nghe câu chuyện tiền kiếp của một người Bà la môn tên là Velāma. Ông Bà la môn này đã đích thân phân phát một cách

thành tâm rất nhiều thực phẩm đến một đám đông hành khát, nhưng rất tiếc là trong số ấy, không có lấy một người hành khát có đủ đức hạnh tối thiểu để xứng đáng với tâm lòng bố thí kia.

Do đó, đức Phật kết luận:

- Này Tu Đà Cáp Cô Độc! Sự bố thí bằng lòng thành dĩ nhiên sẽ luôn luôn đem lại quả lành. Nhưng bố thí đến một trăm người không có giới hạnh, chẳng thể so sánh với sự cúng dường đến chỉ một Sa môn tròn đủ giới hạnh, nhất là các Thánh nhân kể từ Nhập Lưu trở lên! Riêng sự cúng dường đến các Thánh giải thoát A La Hán, các Bích Chi Phật hay đấng Toàn Giác thì phước báu vô lượng. Cũng như sự xây chùa, truyền bá chân lý và hộ trì Tam bảo thì phước báu nhiều bằng tổng số hạt bụi hợp thành quả đất.

Tuy nhiên, nguồn phước báu vô lậu vẫn là ba ngôi đáng nương nhờ: Phật bảo, Pháp bảo và Tăng bảo. Nói một cách dễ hiểu hơn là "qui y Phật, qui y Pháp và qui y Tăng". Đồng thời giữ đúng năm giới cấm là không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối và không uống rượu. Rồi hằng ngày, người Phật tử thâm nhuần chánh pháp, cũng không quên dành ra năm mươi phút, để rải tâm từ bi đến tất cả chúng sinh. Nhưng cái hành động tạo phước vô lậu cao nhất vẫn là sau khi rải tâm từ bi, hành giả giữ thêm một phút mặc niệm nữa, để quán tưởng đến sự vô thường. Vì theo kinh Tăng Chi A Hàm số IX. 20 (A. IX. 20) nói, thì "Sự tưởng nhớ đến lẽ vô thường" này dù chỉ kéo dài bằng một cái "búng ngón tay" cũng có nhiều phước báu vô lậu! (Ghi chú: Phước báu vô lậu là phước báu đưa đến phẩm giải thoát, còn phước báu hữu lậu là phước báu sẽ trở quả lành trong các kiếp vị lai. Nhiều khi do hưởng quả lành ấy, mà người ta có thể rơi vào cảnh vương mắc, bị luân hồi, không thể được giải thoát).

Những lời giảng trên đây của đức Phật đến ông Tu Đà Cáp Cô Độc cho chúng ta một phương pháp hành đạo từ thấp lên cao. Ngài sẽ bắt đầu bằng hạnh bố thí để đưa người Phật tử đến trình độ thanh tịnh hơn, mở rộng lòng từ bi thấu cả muôn loài vạn vật. Khoảng giữa hai phẩm hạnh bố thí và thanh tịnh tâm hồn ấy, là sự giữ gìn giới luật, một khả năng làm tiêu trừ các gốc rễ xấu xa, ác độc nơi tâm hồn con người. Đồng thời xuyên qua sự vững chắc trong an định, hành giả lại chứng thật được lẽ vô thường, để không bị khổ não, bởi bất cứ cái gì thay đổi, biến, hoại, có, không. Nói một cách khác là ba giai đoạn: Bố thí, Trì giới, và Tham thiền là ba nấc thang sẽ đưa người Phật tử đến phẩm hạnh giải thoát, thấy rõ chẳng có gì bền vững, chẳng có cái gì là của ta, hay là ta cả. Điều cần nhấn mạnh ở đây là ngoài thiền pháp ra không có một phép mầu nào khác, đủ sức tẩy trừ được mọi phiền não trong tâm tư con người!

Sự phân tích của đức Phật về các loại người xứng đáng nhận vật thí còn thấy xuất hiện trong một bài pháp ngắn khác. Theo đó, Tu Đà Cáp Cô Độc đã hỏi Phật:

- Có bao nhiêu hạng người xứng đáng để đàn na tín thí cúng dường?

Đức Phật liền trả lời:

- Có hai hạng: Đó là các bậc đang đi trên con đường trong sạch giải thoát, và chư Thánh A La Hán hay chư Phật đã đến đích rồi. (Theo Tăng Chi A Hàm số II. 27: A. II. 27)

Trở lại vấn đề thanh tịnh con tâm. Trong những đoạn trước, đức Phật đã giảng giải khá đầy đủ về hai pháp Bố thí và Trì giới, nhưng Thiền pháp chỉ được Ngài giới thiệu phớt qua, chưa nêu thí dụ rõ rệt, thì bây giờ đức Bôn Sư thuyết minh một cách cụ thể hóa. Phật nói với Tu Đà Cáp Cô Độc rằng:

- Nay Tu Đà Cấp Cô Độc! Nếu tâm tánh của một người chứa đầy tham vọng thì tất cả hành động, lời nói và ý nghĩ của họ cũng bị hoen ố! Một người như thế tất bị ái dục cuốn trôi, quay cuồng, và khi hết tuổi thọ, họ sẽ nhận lãnh một cái chết vô cùng đen tối, phiền não... Vì như một ngôi nhà mà những phần nòng cốt là cột, kèo, đòn dông và các bức tường chính đã mục nát trước một cơn thác lũ vậy (Theo Tăng Chi A Hàm số III. 107-108: A. III. 107-108).

Khi tâm tánh đã bị tham vọng lôi cuốn và phiền não che mờ rồi, thì chỉ có thiền pháp mới đủ sức đem lại thanh tịnh, cứu giúp nó được, chứ các phước báu do nghiệp lành đã tạo, cũng không hiệu quả gì! Bởi thế, một lần khác, đức Phật đã dạy Tu Đà Cấp Cô Độc, trước một đám đông thiện nam tín nữ, vừa đến thăm Ngài:

- Nay Tu Đà Cấp Cô Độc và chư Phật tử! Quý vị hằng ngày thành tâm hộ trì ngôi chùa Kỳ Viên, dâng cúng đầy đủ bốn món vật dụng là thực phẩm, y phục, chỗ ở và thuốc men đến chư Tăng... Dĩ nhiên, quý vị rất thỏa thích trong phước lành. Nhưng Như Lai khuyên quý vị không nên quá mắc dính trong các phước lành ấy! Hãy đề tâm hướng về thiền pháp, cố gắng tập tành an trụ để được phi lạc (Pīti) trong thiền pháp, nhất là trong khuynh hướng ưa chuộng sự sống an dật, thanh tịnh. (Nguyên chữ Pāli "Pītim pavivekam" có nghĩa là phi lạc đầu tiên chỉ lợc lên trong vòng một hay hai giây đồng hồ, sau một thời gian tỉnh tấn tập sự hành thiền (Jhāna).

Khi nghe Phật dạy xong, Trưởng lão Xá Lợi Phất (Sāriputta) liền tiếp:

- Khi Sa môn đệ tử cao thượng của Phật đạt được an trụ phi lạc thích sống trong cảnh an dật thì tránh được năm loại phiền não (ngũ phiền) hằng có mặt trong tâm là:

1. Đau đớn và ưu sầu câu hữu với các căn. (Các căn là các "cửa tâm" gồm: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và xúc giác).
2. Thỏa mãn và vui mừng cột chặt với các căn.
3. Đau đớn và ưu sầu câu hữu với những gì thế gian cho là xấu.
4. Thỏa mãn và vui sướng cột chặt với những gì thế gian cho là xấu (Kẻ ác, vui sướng khi thành công trong những chuyện bất thiện, thì người tu hành tránh được tình trạng đó).
5. Đau đớn và ưu sầu câu hữu với những gì thế gian cho là tốt "(Nghĩa câu này nói rằng: Khi người Phật tử vô ý đề mất cơ hội làm phước, rồi sau đó hối tiếc, thì ấy cũng là một loại phiền não, có thể làm cho đau đớn và ưu sầu) (Theo Anguttara Nikāya V. 176: Tăng Chi A Hàm số V. 176).

Vào một dịp khác, do sự có mặt của Tu Đà Cấp Cô Độc và một nhóm Phật tử, mà đức Phật nói với Trưởng lão Xá Lợi Phất rằng:

- Nay Xá Lợi Phất! Người cư sĩ phạm hạnh giữ đúng ngũ giới, thận trọng trong mọi hành động hằng ngày, thì họ sẽ an định dễ dàng nơi thiền pháp, và sẽ thể hiện được bốn niệm tướng cao thượng là:

1. Tôi đã phá hủy con đường dẫn đến địa ngục.
2. Tôi đã phá hủy con đường dẫn đến súc sanh.
3. Tôi đã phá hủy con đường dẫn đến ngã quỉ.

4. Tôi đã phá hủy con đường dẫn đến A tu la hay các loại thấp sinh (Những số phận hoàn toàn bất hạnh, vì không bao giờ thấy được ánh sáng chân lý). Rồi họ biết chắc và có thể tuyên bố rằng: "Họ đã bước vào thánh đạo Nhập Lưu. Họ không còn thoái hóa vào cảnh khổ vĩnh viễn luân hồi và tình quả giải thoát cuối cùng họ sẽ đạt đến.

Nhưng dựa vào niềm tin gì, người cư sĩ phạm hạnh có thể giữ đúng ngũ giới là không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu, và có thể thực hiện được bốn niệm tưởng quý báu vừa kể?

- Này Xá Lợi Phất! Một cư sĩ phạm hạnh cao thượng nhờ dựa vào niềm tin không lay chuyển nơi đức Phật, nhờ dựa vào niềm tin không lay chuyển nơi đức Pháp, nhờ dựa vào niềm tin không lay chuyển nơi đức Tăng, nhờ dựa vào niềm tin không lay chuyển nơi giới hạnh, một nền tảng giải thoát vững chắc, hằng được các Thánh nhân khen ngợi. Vì giới luật trong sạch không làm cho tâm trí lu mờ, không làm cho tư duy khuyết điểm để dễ bị ảnh hưởng bởi những ác pháp vi tế. Giới luật trong sạch chính là bước đầu giải thoát, hay khởi điểm của an tịnh và phát sinh trí tuệ.

Trong ba cõi sinh tử luân hồi, không có hạnh phúc nào quý hơn thực hiện được bốn niệm tưởng quý báu kể trên! Và thiền pháp trong Phật giáo không những chỉ giúp cho hành giả đạt đến các mục đích ấy, mà nó còn giúp cho các bậc phạm hạnh thanh lọc sạch tâm hồn một cách dễ dàng không dư sót (Theo Tăng Chi A Hàm số V. 179: Anguttara Nikāya V. 179).

Lại một dịp khác, đức Phật giảng giải về sự đắc Thánh quả Nhập Lưu đến Tu Đà Cáp Cô Độc, bằng ba cách khác nhau. Sự dạy đạo này đức Thế Tôn chỉ dành riêng cho ông mà thôi. Phật nói:

- Này Tu Đà Cáp Cô Độc! Khi người cư sĩ phạm hạnh loại trừ hết năm điều sợ sệt và thâm nhuần đủ bốn yếu tố dẫn đến Thánh quả Nhập Lưu, đồng thời nếu hành giả hiểu rõ và nắm vững pháp thiền của mình, thì họ sẽ tự biết là họ đã bước vào Thánh Lưu, chứ không chờ ai xác nhận! Ngược lại, người thường xuyên phạm năm giới cấm là sát sinh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, uống rượu thì năm điều tội lỗi này sẽ mang lại cho họ năm sự sợ sệt triển miên cả trong tâm hồn lẫn ở thân xác, không những trọn kiếp này, mà còn trong kiếp vị lai.

- Này Tu Đà Cáp Cô Độc! Và lại, người cư sĩ phạm hạnh, nhờ giữ ngũ giới là cách thứ nhất chấm dứt năm điều tội lỗi, tránh khỏi bốn đường ác đạo, nhờ tin tưởng không lay chuyển vào ba ngôi Phật, Pháp, Tăng là cách thứ hai, tiến vào Thánh quả Nhập Lưu, và nhờ thiền pháp là cách thứ ba duy trì được thanh tịnh tuyệt đối để trí tuệ giải thoát phát sinh, giác tánh bừng tỏ, thấy rõ cái vòng luân hồi của mình có thể bị chặt đứt từ chỗ nào. (Theo Tăng Chi A Hàm số X. 92: Anguttara Nikāya X. 92).

Một câu chuyện được ghi lại trong kinh rằng: "Lần nọ, Tu Đà Cáp Cô Độc đến thăm Phật vào buổi sáng tinh sương. Duy cảm thấy quá sớm, nên thay vì đi vô chùa, ông lại ghé xem cảnh tu viện của những đạo sĩ Bà la môn du phương gần đó. Các đạo sĩ này vốn biết Tu Đà Cáp Cô Độc là đệ tử của Phật, bèn hỏi rằng:

- Này bá hộ Cáp Cô Độc! Thầy của ông, đạo sĩ Cồ Đàm (Gotama) kiến thức uyên bác như thế nào?"

Tu Đà Cáp Cô Độc trả lời:

- Tôi không thể đo lường được sự hiểu biết của đức Bổn Sư.

Các đạo sĩ Bà la môn lại hỏi:

- Vậy trình độ của Tăng chúng Phật giáo thâm sâu ra sao?

Tu Đà Cấp Cô Độc cũng vui vẻ nói:

- Tôi không đủ khả năng để bàn luận đến kiến thức của Thánh chúng.

Nhưng khi các đạo sĩ du phương Bà la môn hỏi về kiến thức của chính ông, thì Tu Đà Cấp Cô Độc trầm tĩnh trả lời:

- Kính thưa quý vị đạo sĩ! Kiến thức của tôi thì tôi có thể bày tỏ dễ dàng! Chỉ yêu cầu quý vị là chủ, hãy thuyết giảng kiến thức của quý vị cho tôi nghe trước, còn tôi là khách, tôi sẽ trình bày sau.

Thế là Tu Đà Cấp Cô Độc được nghe các đạo sĩ du phương Bà la môn, đề cao những định kiến của họ. Đạo sĩ thứ nhất nói: "Linh hồn con người vốn bất diệt". Còn đạo sĩ thứ hai thì: "Linh hồn không bất diệt". Đạo sĩ thứ ba phát biểu: "Linh hồn con người hữu hạn", khác với đạo sĩ thứ tư cho rằng: "Linh hồn con người vô hạn". Rồi đạo sĩ thứ năm quyết chắc: "Thế xác và linh hồn là một, không phân biệt! Hễ thế xác còn là linh hồn còn, mà thế xác diệt là linh hồn cũng diệt". (Lời thêm của dịch giả: Đây là thuyết vừa duy vật vừa đoạn kiến). Riêng đạo sĩ thứ sáu lại bảo rằng: "Thế xác và linh hồn là hai thực thể khác nhau. Chỉ có thế xác bị hoại, di chuyển, chứ linh hồn không bị hoại, không di chuyển.

Ngoài sáu định kiến ấy ra, còn hai nhóm đạo sĩ khác nêu lên hai định kiến trái nghịch nhau là: "Thứ nhất, sau khi viên tịch, linh hồn của Thánh nhân sẽ trở thành trường cửu ở một cõi Cực lạc. Thứ hai, sau khi nhắm mắt, linh hồn của các bậc siêu thoát sẽ tiêu mất!".

Bây giờ, đến lượt Tu Đà Cấp Cô Độc, ông nói:

- Bất cứ thuyết nào trong các định kiến mà quý đạo sĩ vừa trình bày, cũng đều do quý vị suy tư, đoán ra, hay do nghe người khác nói lại. Trong cả hai trường hợp, do suy tư, hay do người khác nói, những định kiến như thế vốn phát nguồn từ nhiều điều kiện khác nhau, mà bất cứ thuyết lý nào có điều kiện đều chỉ là giai đoạn, tạm thời! Cái gì tạm thời, vô thường, vốn là nguyên nhân của bất toại nguyện và khổ não. Ai tư duy như thế sẽ thất vọng, rồi gục ngã vì tin tưởng không thật.

Sau khi nghe vậy, các đạo sĩ Bà la môn du phương liền yêu cầu Tu Đà Cấp Cô Độc hãy bày tỏ niềm tin tưởng của ông. Tu Đà Cấp Cô Độc nghiêm chỉnh phát biểu:

- Vạn pháp vốn bản chất tạm thời, vô thường, và đưa đến khổ não! Rồi khổ não cũng không phải thuộc về của ai cả, mà thuộc về pháp thế gian. Kẻ nào cố chấp vào các pháp vô thường, cho là "Cái đó chẳng phải là chính ta, cái này mới là chính ta" hay "Cái đó không phải là của ta, cái này là của ta" v.v... Thì họ sẽ bị lầm lạc vô tận, và họ sẽ ôm cứng khổ não làm hành trang.

Để tìm cách biện hộ, các đạo sĩ du phương Bà la môn giáo vội bào chữa rằng:

- Những điều chúng tôi vừa trình bày là những chân lý cao cả, và niềm tin đó không bao giờ mất trong lòng. Chúng tôi chỉ diễn tả những gì mình nhận thấy là sự thật. Và hơn nữa, chúng tôi còn biết nhiều giải pháp diệt khổ. Khi áp dụng bí quyết diệt khổ ấy, chúng tôi sẽ không bị các tư kiến ảnh hưởng v.v...

Những đạo sĩ Bà la môn này, tuy ngoài miệng cố gắng biện bác như thế, nhưng trong lòng vẫn tự biết lúng túng! Cuối cùng, họ cảm thấy không thể thuyết phục được Tu Đà Cấp Cô Độc, nên tất cả ngồi im...

Sau đó Tu Đà Cấp Cô Độc lặng lẽ đến thăm Phật. Ông thuật lại cuộc đối thoại vừa qua cho đức Thế Tôn nghe, thì được đức Bôn Sư khen ngợi:

- Này Tu Đà Cấp Cô Độc! Ông đã nói đúng! Như Lai khuyên ông nên thỉnh thoảng hướng dẫn những người lầm lẫn như thế, đến gần chân lý hơn.

Rồi đức Phật phúc chúc đến Tu Đà Cấp Cô Độc, đồng thời thuyết một bài pháp cho riêng một mình ông nghe, để khuyến khích người đại cư sĩ này tiến vững chắc trên con đường đạt tới Thánh quả.

Khi Tu Đà Cấp Cô Độc đi rồi, đức Phật bèn thuật chuyện và tuyên bố với Tăng chúng rằng:

- Ngay cả một Tỳ khưu sống trong Giáo hội một trăm năm, có khi cũng chưa đủ thâm nhuần giáo lý, để có thể trả lời với các đạo sĩ Bà la môn đúng đắn như thế. (Theo Tăng Chi A Hàm số X. 93: A. X. 93).

Sau cùng, còn hai thuật sự nữa có thể kể lại, trước khi chuyển qua chương VI. Đó là hai lần Tu Đà Cấp Cô Độc nằm trên giường bệnh, yêu cầu đức Phật cho phép một vị Sa môn đến nhà thuyết pháp "tiếp độ" cho ông. Bởi Tu Đà Cấp Cô Độc là một đại ân nhân của Tăng Già, nên hai vị được đức Phật lần lượt cử đi thuyết pháp là hai Trưởng tông đồ.

Lần thứ nhất, Tôn giả A Nan Đà đến ân cần nói với Tu Đà Cấp Cô Độc rằng:

- Này đạo hữu Cấp Cô Độc! Một tâm hồn không thuần thực trong chánh niệm hằng sợ sệt sợ chết, và sợ sệt những gì phải nhận nơi kiếp sau. Lý do vì họ thiếu bốn loại niềm tin cao quý là: Tin vào Phật báo, tin vào Pháp báo, tin vào Tăng báo, và tin vào Giới đức là hành trang độ mạng trong vòng luân hồi.

"Nhưng này đạo hữu Cấp Cô Độc! Đạo hữu là người đang có niềm tin không lay chuyển nơi đức Phật, đức Pháp, và đức Tăng. Đạo hữu còn giữ giới hạnh hoàn toàn trong sạch nữa, thì đạo quả giải thoát không xa. Nhất là hiện tại, đạo hữu đã đắc đạo Nhập Lưu. (Theo Samyutta Nikāya 55.27: Tạp A Hàm số 55.27).

Lần thứ hai, Trưởng lão Xá Lợi Phất đến bên giường bệnh Tu Đà Cấp Cô Độc, phân tích rằng:

- Này đạo hữu Cấp Cô Độc! Đối với những kẻ sống theo dục vọng, tinh thần không được huấn luyện, không thanh tịnh, thì địa ngục là nơi họ sẽ thấy.

Nhưng này đạo hữu Cấp Cô Độc! Đạo hữu là người có Tam bảo trong tâm. Đạo hữu biết giữ giới thanh tịnh, không để cho ác pháp lôi cuốn. Nếu bây giờ đạo hữu tinh tấn niệm tướng ba ân đức Phật, Pháp, Tăng, rồi niệm tưởng qua giới đức, thân, khẩu, ý của mình hằng trọn lành, thì thân bệnh của đạo hữu sẽ thuyên giảm, do nhờ thiền pháp vậy.

Và lại, này đạo hữu Cấp Cô Độc! Đạo hữu đừng quên rằng đạo hữu là người có chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định. Đời sống của đạo hữu đúng theo Bát Chánh Đạo, thì trí tuệ giải thoát tuyệt đối sẽ phát sinh. Đạo hữu là bậc đã bước vào Thánh lưu, có mười duyên lành cao thượng, tâm linh đang hướng về cứu cánh Niết bàn, thì xuyên qua thiền pháp, thân

bệnh của đạo hữu sẽ biến mất. Nhất là khi đạo hữu tăng cường sức mạnh an trụ, tưởng nhớ đến hành trạng là thiện nghiệp của một đại Hộ pháp Phật giáo. Đây là thứ thần dược chữa trị phiền não và thân bệnh hiệu quả và nhanh chóng nhất.

Trưởng lão Xá Lợi Phất tập trung tâm ý để nói pháp. Khi chữ "nhất" vừa chấm dứt, thì Tu Đà Cấp Cô Độc đã hết đau. Ông tươi tỉnh ngồi dậy, rời giường bệnh, tự tay mang thức ăn cúng dường buổi trưa đến Giảng sư Xá Lợi Phất. Sau đó, ông đàm luận với Trưởng lão Xá Lợi Phất về Phật giáo thật lâu, như một người khỏe mạnh.

Bởi vậy, trước khi trở về chùa Kỳ Viên, Trưởng lão Xá Lợi Phất còn ngâm mấy câu kệ, tặng Tu Đà Cấp Cô Độc như sau:

*"Ai tin vào đức Phật,
Đức Pháp và Đức Tăng
Nhớ biết mình chân thật
Có đời sống an lành.*

*Ai tin vào Thánh chúng
Chánh kiến và thiện căn
Khổ nghèo không thể đựng
Đời sống quý vô ngần!*

*Ai tin vào Tam bảo
Vào giới hạnh, định tâm
Pháp thiền lâm chánh báo
Lời Phật dạy không lầm!*

*Người trí hăng phát triển
Niềm tin, giới, định luôn
Thánh nhân hăng thân thiện
Phật cũng khen vô cùng".*

*(Theo Samyutta Nikàya 55. 26: Tạp A Hàm số 55. 26 - N. Đ. thoát dịch ra
văn vần).*

Trong mười tám bài pháp thuyết đến Tu Đà Cấp Cô Độc, ghi trong Tạng kinh, có mười bốn bài do đức Phật tùy cơ duyên tự nói ra. Một bài Phật thuyết do Tu Đà Cấp Cô Độc đặt câu hỏi. Một bài khác Phật giảng sau khi nghe Tu Đà Cấp Cô Độc thuật chuyện đã đối thoại với những đạo sĩ Bà la môn giáo. Và sau cùng là hai bài pháp do Tôn giả A Nan Đà và Trưởng lão Xá Lợi Phất đến bên giường bệnh của Tu Đà Cấp Cô Độc để nhắc nhở.

Mười tám bài pháp này chứng tỏ rằng trong kho tàng Phật giáo, hẳn đã có một phần quan trọng, dành riêng cho người cư sĩ hay Phật tử tại gia, khi họ muốn đạt đến Thánh quả, mà không cần sống trong Giáo hội!

[VI] ĐOẠN CHÓT CUỘC ĐỜI...

Đại cư sĩ Tu Đà Cấp Cô Độc nhuộm bệnh lần thứ ba vô cùng trầm trọng. Sự đau đớn và tiêu tụy thân xác đã là một trở ngại lớn cho việc tập trung tinh thần. Một lần nữa, Tu Đà Cấp Cô Độc lại mời hai Đại tông đồ của đức Phật là A Nan Đà và Xá Lợi Phất đến bên giường bệnh để tiếp độ.

Khi Trưởng lão Xá Lợi Phát nhìn thấy sắc diện xanh xao của Tu Đà Cấp Cô Độc thì biết rằng ông sắp từ trần. Trưởng lão liền nhắn nhủ:

- Này Tu Đà Cấp Cô Độc! Đạo hữu hãy thực hành pháp giải thoát bằng cách dứt khoát buông bỏ sự mắc dính với lục căn: nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn và ý căn! Ông nên dừng dừng, khách quan mà nhìn sáu căn ấy, xem nó như sáu nguyên nhân đã từ lâu làm cho mình đau khổ. Thứ nữa, đạo hữu cần tự giải thoát mình bằng cách tách rời tâm thức ra khỏi lục trần là sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp thể gian. Đừng để cho lục thức của đạo hữu (tức nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, và ý thức) duyên theo chúng nữa! Như vậy, sáu "yếu tố gây khổ", hay còn gọi một cách khác là "ngũ uẩn" (gồm sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, và thức uẩn) tạo thành một con người, sẽ không hợp tác với "Tứ đại" (đất, nước, gió, lửa: thô đại, thủy đại, phong đại, và hỏa đại) để làm khổ đạo hữu xuyên qua những cái thấy, nghe, ngửi, nếm, đụng, và suy nghĩ nữa!"...

Lúc ấy Tôn giả A Nan Đà cũng có mặt bên giường bệnh. Tu Đà Cấp Cô Độc chăm chú lắng nghe Trưởng lão Xá Lợi Phát thuyết pháp. Ông cố gắng để tâm hành đúng theo lời nhắc nhở của vị giảng sư...

Chợt mấy giọt lệ rịn ra nơi khoé mắt bệnh nhân Tu Đà Cấp Cô Độc, Tôn giả A Nan Đà quay lại thấy vậy, bèn động lòng từ bi nói:

- Này đạo hữu Cấp Cô Độc! Đạo hữu nên giữ tâm bình thản, thanh tịnh!"

Nhưng Tu Đà Cấp Cô Độc liền yếu ớt đáp rằng: "Ôi! Tôn giả A Nan Đà! Tôi không thể giữ tâm an tịnh được! Tôi quá sung sướng và cảm động, vì từ trước đến nay, tuy hằng sống với Giáo hội và đức Bốn Sư, tôi chưa bao giờ được nghe một bài pháp sâu xa, thần diệu như thế!

Lập tức Trưởng lão Xá Lợi Phát phân giải:

- Này đạo hữu Cấp Cô Độc! Bài pháp thâm mật ấy, Phật chỉ thuyết cho các hàng Sa môn an tịnh xuất gia. Vì đối với các hàng cư sĩ, nó quá trừu tượng, khó hiểu. Nhưng lần này, đức Thế Tôn đã chỉ thị bản đạo đến lập lại cho đạo hữu nghe, bởi hiện tại tâm hồn của đạo hữu chẳng khác gì tâm hồn của một Đại Sa môn vậy.

Tu Đà Cấp Cô Độc liền vui mừng tiếp:

- Bạch Trưởng lão Xá Lợi Phát! Kể từ nay, Tu Đà Cấp Cô Độc này yêu cầu chư Thánh Tăng và đức Phật hãy ban bố cho các hàng cư sĩ tức duyên những bài pháp nhiệm mầu như thế! Bởi vì, tuy sống đời cư sĩ, nhưng cũng có nhiều bậc đủ phạm hạnh, pháp nhãn đã bừng sáng, chỉ còn dính chút bụi trần. Nếu họ may mắn được nghe những bài pháp thâm diệu như thế, chắc chắn họ sẽ được giải thoát, kéo không họ phải tiếp tục chờ đợi duyên lành xuất gia, chừng đó họ mới có thể hưởng pháp tiếp độ thì thật là tội nghiệp.

Sự khác biệt giữa bài pháp mà Trưởng lão Xá Lợi Phát vừa thuyết đến Tu Đà Cấp Cô Độc, với những gì Phật đã giảng giải trước đây cho ông, là tác dụng đánh thẳng vào tâm linh, khi con người thực sự phân biệt được ngũ trần và các pháp thể gian, vốn chỉ là ngoại tại, và hằng xâm nhập vào các căn thức, phối hợp với nội ma là tham, sân, si, làm khổ tâm linh như thế nào.

Ở đây, bài pháp đang trực tiếp đi vào những vấn đề thực tế, và cứu cánh tối hậu giải thoát, chứ không phải là một lý thuyết giúp người nghe hiểu biết một khía cạnh Phật giáo. Nói cách khác, Trưởng lão Xá Lợi Phát vừa chỉ cho Tu Đà Cấp Cô Độc những phương pháp thực hành, vì ông đã đắc đạo Nhập Lưu Tu Đà Hườn. Ông ví như người

lâm vườn đã có sẵn tấm kiếng thần trong tay. Ông chỉ cần biết cách nhìn vào tấm kiếng thần ấy, để tự mình nhận ra những loại cỏ độc mà nhổ bỏ đi, rồi vun xới những hoa lành, để được bình an. Và ngôi vườn chính là tâm hồn con người vậy.

Tu Đà Cấp Cô Độc là một Thánh nhân bậc thấp, giác tánh đã biểu lộ. Trưởng lão Xá Lợi Phất chỉ cần chỉ cho ông thấy rõ bản chất trống tuếch và tạm thời của ngũ uẩn đang vừa bám víu vừa phá hoại lẫn nhau, để ông tự mình nhận ra các lẽ vô thường, khổ não và vô ngã trong ông.

Và lại, dù cho ấy là phương pháp thực tiễn, người nghe vẫn có thể chia làm hai loại: Loại thứ nhất nghe để mà suy gẫm. Loại này nhận được lợi ích chỉ có năm phần mười. Loại thứ hai đã thấm nhuần Phật giáo, nghe xong lập tức thực hành, thì sự giải thoát là một điều chắc chắn! Thông thường các hàng Phật tử cư sĩ thuộc loại thứ nhất. Còn các hàng Sa môn thanh tịnh xuất gia thuộc loại thứ hai. Nhưng Tu Đà Cấp Cô Độc trong trường hợp này, nằm trong loại thứ hai đó!

Đối với các hàng Phật tử tại gia sơ đẳng, biết được sự thay đổi không ngừng của mọi vật chỉ là một kiến thức. Nhưng đối với những bậc xuất gia thanh tịnh, thì sự biết ấy chính là một phương pháp để tiêu trừ phiền não phát sinh do tham sống, sợ chết!

Nếu chúng ta quan sát, theo dõi cách trình bày Pháp bảo của Trưởng lão Xá Lợi Phất dẫn dắt từng bước một, đưa tâm linh của Tu Đà Cấp Cô Độc hướng đến giải thoát Niết bàn, thì chúng ta sẽ thấy rằng Tu Đà Cấp Cô Độc, trước đó chưa bao giờ được nghe một bài pháp cốt lõi, mô tả dưới dạng thức cứu cánh như thế!

Trong giờ phút sắp lâm chung, Tu Đà Cấp Cô Độc nhờ pháp tiếp độ ấy, đã tự tách rời được tâm linh, khỏi những tham luyến thế gian, nhất là tham luyến thân xác (ám chỉ sự sống), rồi an định thần trí trong chánh niệm, thì ông quả thật là một cư sĩ phúc duyên vẹn toàn. Nhiều Sa môn đệ tử Phật cũng chưa chắc sánh bằng!

Có thể nói đây là một trường hợp hy hữu của một cư sĩ phạm hạnh hy hữu được nghe một giảng sư vô song trình bày một pháp giải thoát thần hiệu nhất!

Khi Trưởng lão Xá Lợi Phất và Tôn giả A Nan Đà chấm dứt lời nhắc nhở cuối cùng, thì Tu Đà Cấp Cô Độc hoàn toàn an trụ trong chánh định. Rồi ông từ trần, tái sinh lên cõi trời Tusita Đâu Suất, ở đó giác linh Tu Đà Cấp Cô Độc được gặp lại "cô con gái út" hiện là một tiên nữ.

Nhưng điều đáng tưởng niệm và ngưỡng mộ vị cô đại ân nhân Phật giáo ở đây là sau khi gia nhập Thiên chúng, "ông" đã là vị thiên thần hộ trì Tam bảo nhiệt thành nhất. Theo kinh sách kể lại thì chùa Kỳ Viên, sau lễ hỏa táng Tu Đà Cấp Cô Độc, có nhiều đêm được Thiên chúng viếng thăm, lễ bái. Hào quang sáng rực. Vị dẫn đầu chư Thiên thần ấy dĩ nhiên là giác linh cổ cư sĩ Tu Đà Cấp Cô Độc.

Một hôm đại Thiên thần Hộ pháp này đến đánh lễ đức Phật, còn cúng dường bằng những câu kệ rằng:

*"Kỳ Viên Thành địa Phật Đà,
Ngôi chùa, Tăng chúng một nhà sắc không.
Pháp vương an độ cõi trần,
Đây nguồn hạnh phúc trong ngần bất lai.
Kiếp xưa duy có hình hài?
Mà thân, khẩu, ý miệt mài tịnh tu.
Hộ trì Tam bảo công phu,
Giúp đời, danh lợi không mù mắt linh.*

Làm sao cho được biết mình,
Thông trong chánh pháp, vô tình cõi mơ.
Tập rèn theo đức hạnh sơ,
Tu Đà Hườn quá, nay nhờ cõi Thiên.
Nơi gương "Xá Lợi" Thánh hiền (*)
Tịnh tâm, tịnh ý, ưu phiền lọc trong.
Sa môn ấy bậc vô song,
Siêu sinh nhân Phật gieo trồng hôm nay".

(Theo Majjhima Nikàya 143 và Samyutta Nikàya 2. 20: Trung A Hàm 143 và Tạp A Hàm 2. 20)

(*) "Xá Lợi" ám chỉ Trưởng lão Xá Lợi Phất, người đã tiếp độ Tu Đà Cấp Cô Độc trước giờ phút lâm chung.

Và với bài kệ cũng dường này, chúng tôi xin kết thúc câu chuyện Tu Đà Cấp Cô Độc, một vị Hộ pháp vô song, khi đức Phật còn tại thế!

Dịch xong tại Paris ngày 5-10-1993
Nguyễn Điều

-ooOoo-

Ý TƯỞNG ĐẸP

Người Phật tử chân chánh là người
chỉ biết giữ gìn giới hạnh của
chính mình luôn luôn trong sạch
và rất bình thản, lịch sự cùng độ lượng với
những ai hung dữ
hay kém giới hạnh hơn mình!

-ooOoo-

[Đầu trang](#) | [Mục lục](#) | [Phần 1](#) | [Phần 2](#)

Chân thành cảm ơn Đại đức Giác Đồng đã gửi tặng phiên bản điện tử (Bình Anson, 04-2001)

[\[Trở về trang Thư Mục\]](#)

update: 04-04-2001